

Data Digest #22: Bức tranh KQKD Quý 3/2024

DUY TRÌ ỔN ĐỊNH

Ngày phát hành:

Ngày 11 tháng 11 năm 2024

Soạn lập bởi:

Nhóm Phân tích Dữ liệu

Khối Dịch vụ Thông tin Tài chính, FiinGroup



Điểm nhấn chính

Kính gửi Quý Khách hàng,

Chúng tôi hân hạnh gửi đến Quý khách hàng Báo cáo Data Digest #22 – Bức tranh Kết quả kinh doanh Quý 3/2024 với tên gọi “**DUY TRÌ ỔN ĐỊNH**” do nhóm Phân tích Dữ liệu thuộc FiinGroup thực hiện.

Quý 3/2024 chứng kiến sự tăng trưởng chậm lại tại nhiều thị trường xuất khẩu chính như Mỹ, EU và Trung Quốc. Ở Việt Nam, các chính sách tài khóa và tiền tệ được điều hành linh hoạt đã góp phần duy trì sự ổn định kinh tế vĩ mô, với lãi suất ở mức thấp nhằm kích thích tiêu dùng và đầu tư. Tuy nhiên, các chỉ số về cầu tiêu dùng và đầu tư đều cho thấy sự hồi phục khá chậm. Trong khi đó, ở phía cung, chỉ số sản xuất công nghiệp IIP và hoạt động xuất nhập khẩu vẫn tăng trưởng khá.

Bối cảnh vĩ mô được phản ánh rõ nét vào kết quả kinh doanh quý 3/2024 của các doanh nghiệp niêm yết.

Cụ thể, lợi nhuận sau thuế toàn thị trường duy trì tăng trưởng ổn định ở mức +21,9% so với cùng kỳ, dẫn dắt bởi nhóm Phi tài chính với mức tăng vượt trội +28,5% YoY nhờ đóng góp đáng kể từ thu nhập tài chính và sự phục hồi của các ngành tiêu dùng và xuất khẩu như Bán lẻ, Du lịch & Giải trí, Hóa chất, và Thủy sản. Ngược lại, nhóm Tài chính ghi nhận mức tăng thấp hơn do áp lực từ các ngành Chứng khoán và Bảo hiểm.

Ngân hàng ghi nhận mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng và chất lượng tăng trưởng có dấu hiệu kém đi với biên lãi thuần (NIM) thu hẹp và nợ xấu gia tăng. Trong khi đó, ngành Bất động sản nhà ở có tín hiệu hồi phục từ đáy và có kỳ vọng tăng trưởng phía trước nhờ các vướng mắc pháp lý dần được tháo gỡ.

Triển vọng tăng trưởng của toàn thị trường trong quý 4/2024 được đánh giá sẽ duy trì ổn định và khó có đột biến do các thách thức ngắn hạn của Ngân hàng và Bất động sản – hai ngành chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu lợi nhuận và vốn hóa toàn thị trường.

Về định giá, P/E toàn thị trường hiện ở mức 13,2x, thấp hơn mức trung bình 5 năm chủ yếu do ảnh hưởng của mức P/E thấp ở ngành Ngân hàng. Trong khi đó, P/E của Phi tài chính vẫn neo ở mức cao (18,3x). Với triển vọng lợi nhuận tiếp đà tăng trưởng ổn định trong quý 4/2024, thị trường đang thiếu các yếu tố hỗ trợ để thúc đẩy P/E mở rộng trong ngắn hạn.

Đây là báo cáo nằm trong chuỗi báo cáo “Data Digest” mà chúng tôi đang thực hiện hàng quý nhằm cung cấp góc nhìn độc lập và chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến Tài chính và Chứng khoán. Báo cáo được soạn lập dựa trên lợi thế dữ liệu chuyên sâu và năng lực phân tích dữ liệu với đội ngũ nhân sự hơn 150 người của FiinGroup.

Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp và phản hồi của Quý khách hàng về báo cáo này. Quý khách hàng muốn có thêm thông tin vui lòng liên hệ với đầu mối dịch vụ của chúng tôi hoặc email tới FiinPro@fiingroup.vn.

Happy Investing!

ĐỖ HỒNG VÂN
Trưởng phòng Phân tích Dữ liệu
Khối DV Thông tin Tài chính
CTCP FiinGroup Việt Nam

Mục lục

	<u>Nội dung chính</u>	<u>Trang</u>
1	BƯỚC TRANH LỢI NHUẬN Q3-2024	<u>4 - 22</u>
	❖ Toàn thị trường: <i>Tốc độ tăng trưởng ổn định</i>	4 - 7
	❖ Khối Phi tài chính	
	○ <i>Chất lượng tăng trưởng kém đi</i>	8 - 10
	○ <i>Cơ hội đầu tư: Nhóm Hàng tiêu dùng, Xuất khẩu, Bất động sản</i>	11 - 15
	❖ Ngành Ngân hàng: <i>Thách thức tăng trưởng ngắn hạn</i>	16 - 23
2	CẬP NHẬT ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG	<u>24 - 26</u>
3.	PHỤ LỤC 1 - DIỄN BIẾN LỢI NHUẬN MỘT SỐ NHÓM NGÀNH	<u>27 - 29</u>
4.	PHỤ LỤC 2 - CẬP NHẬT VĨ MÔ	<u>30 - 40</u>

PHẦN I: CHẤT LƯỢNG TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN

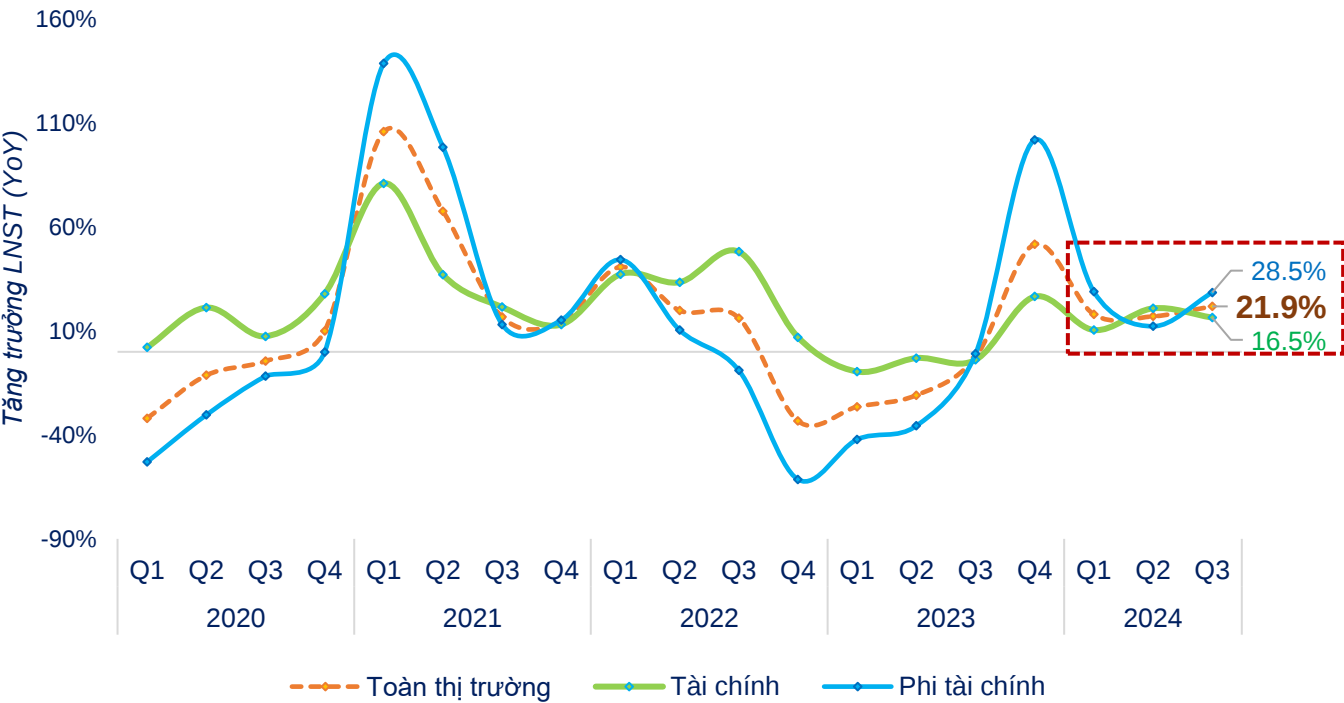
1. Toàn thị trường

Tăng trưởng ổn định

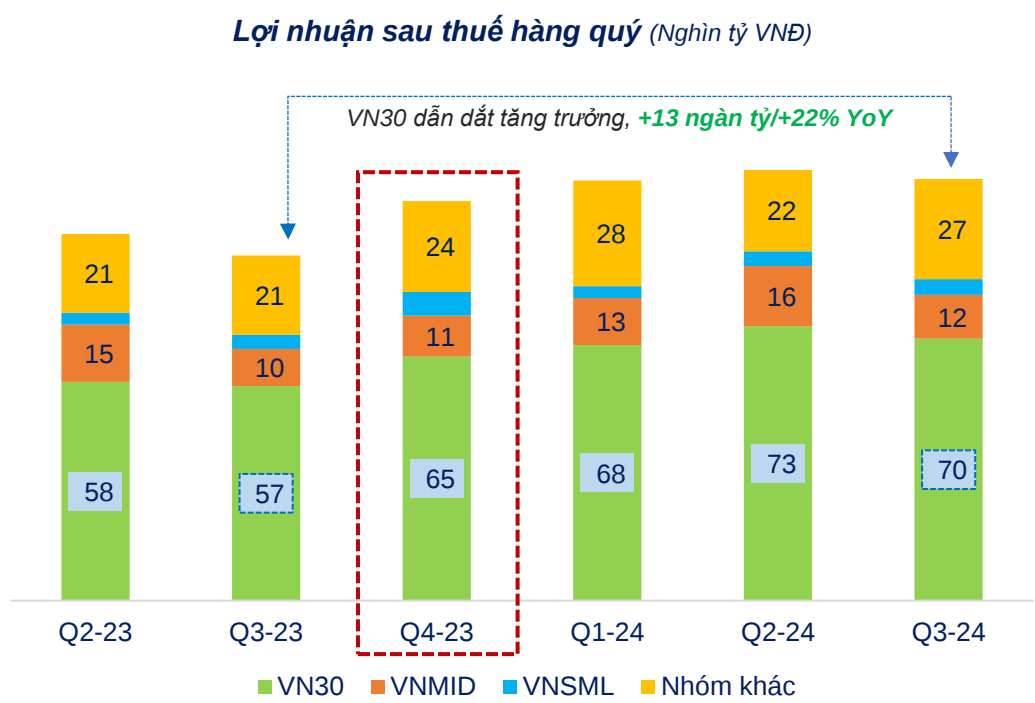


Toàn thị trường: Lợi nhuận sau thuế duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định quý thứ 3 liên tiếp

Biểu đồ 1: Lợi nhuận sau thuế tăng +21,9% YoY trong Q3-2024, tương đương 2 quý trước



Biểu đồ 2: Tăng trưởng Q4-2024 khó có đột biến do nền so sánh cao dần

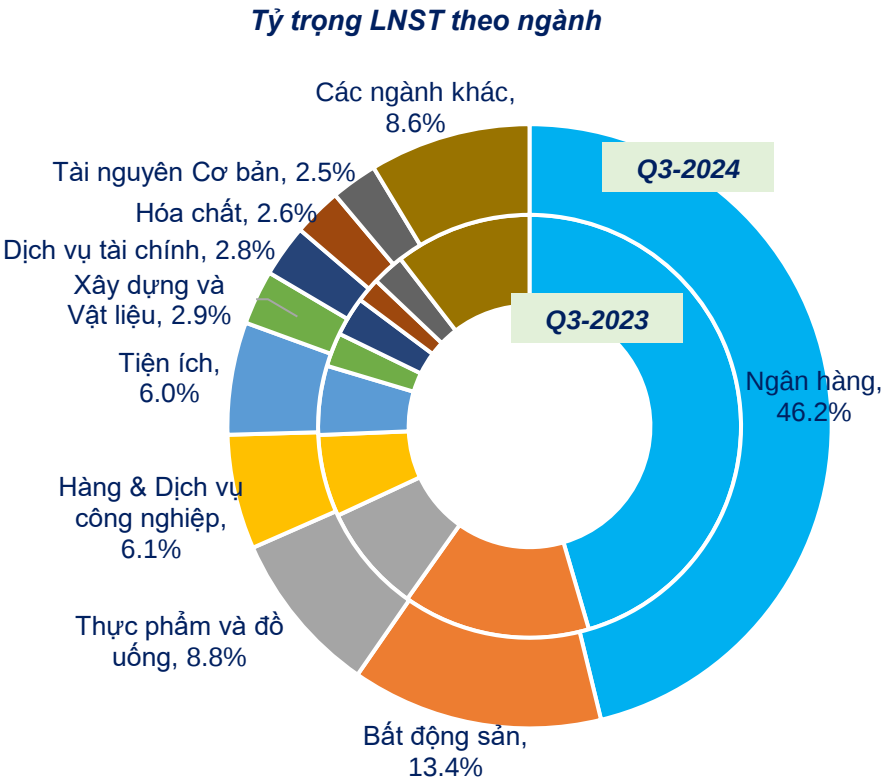
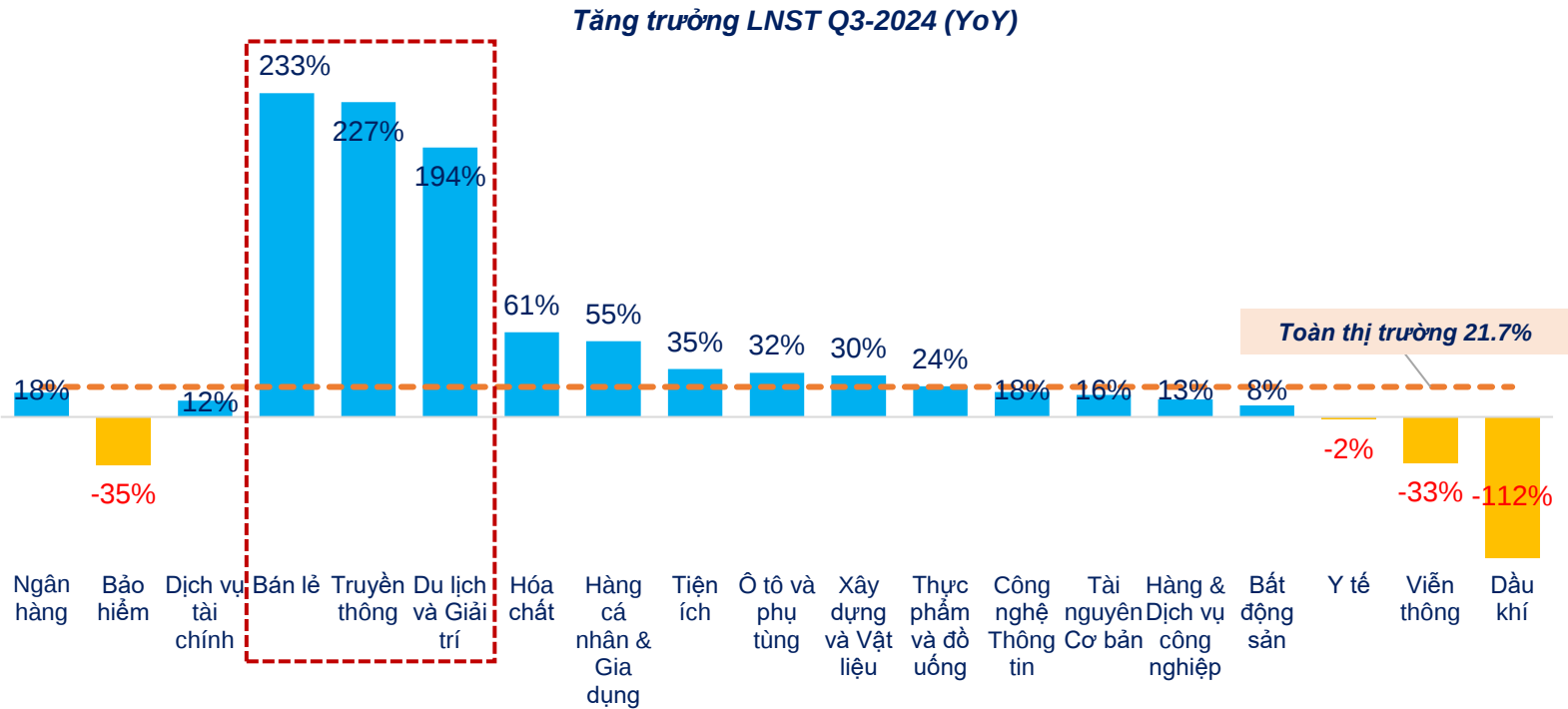


Nguồn: FiinPro-X Platform. Ghi chú: Dữ liệu được tính cho 1143/1652 doanh nghiệp và ngân hàng (chiếm 99,1% vốn hóa toàn thị trường)

- Tổng LNST toàn thị trường trong Q3-2024 tăng +21,9% so với cùng kỳ năm 2023, tương đương với tốc độ tăng trưởng trong hai quý đầu năm (+21,2% trong Q1 và +19,9% trong Q2). Điều này cho thấy xu hướng tăng trưởng đang được duy trì ổn định.
- Tăng trưởng chung đóng góp chủ yếu bởi nhóm Phi tài chính (+28,5% YoY) trong khi nhóm Tài chính ghi nhận mức tăng thấp hơn (+16,5% YoY) do lợi nhuận kém đi ở Chứng khoán (-8,6% YoY) và Bảo hiểm (-34,5% YoY). Riêng với Ngân hàng, xu hướng tăng so với cùng kỳ tiếp tục được duy trì, đạt +17,6% YoY trong Q3-2024, nhưng giảm tốc so với quý trước (+21,6% YoY trong Q2-2024).

Toàn thị trường: Nhóm ngành hàng Tiêu dùng tiếp tục tăng trưởng vượt trội so với cùng kỳ trong khi Ngân hàng và Bất động sản tăng thấp

Biểu đồ 3: LNST tăng trưởng vượt trội ở Bán lẻ, Truyền thông, Du lịch nhờ xu hướng hồi phục về cầu tiêu dùng trong nước

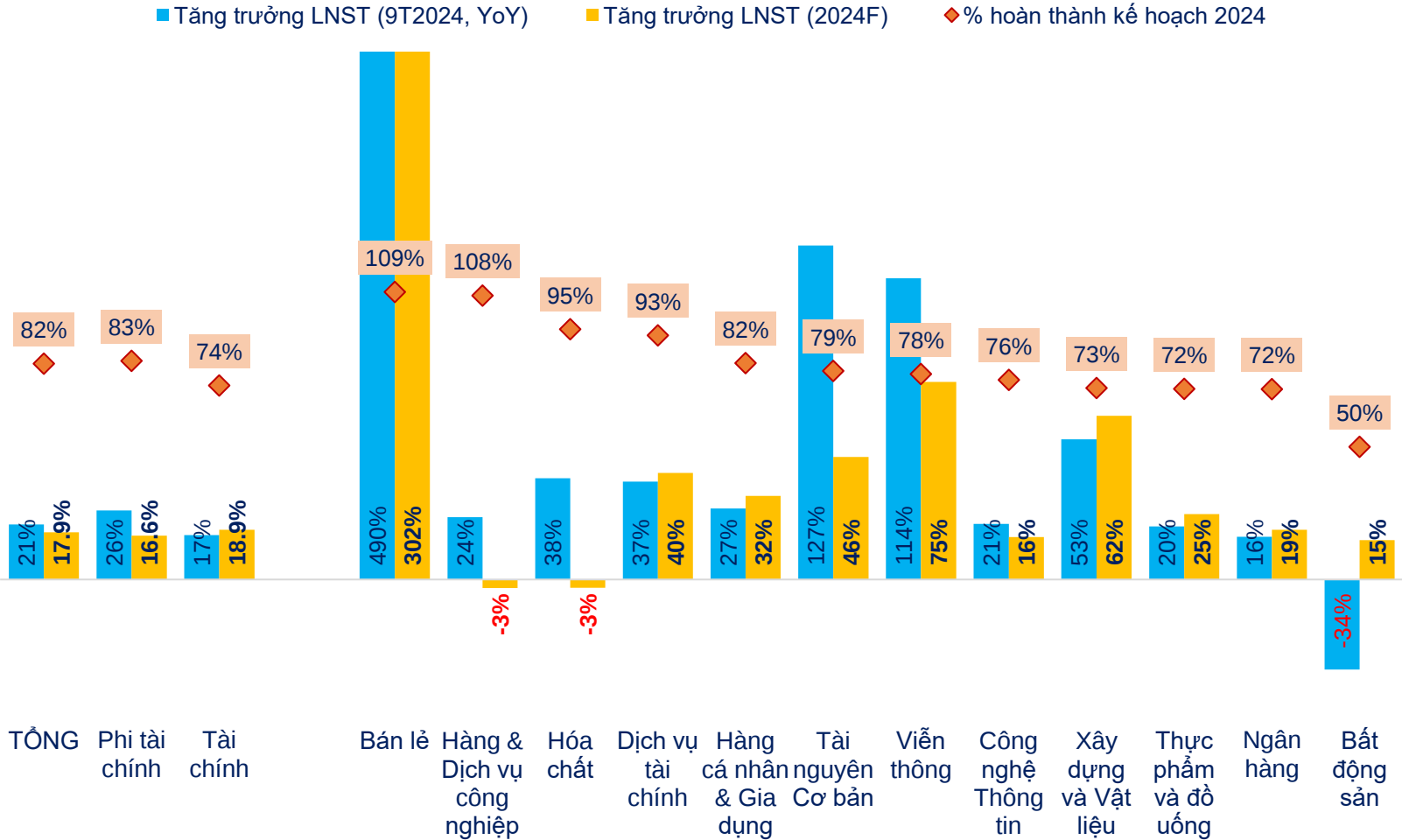


Nguồn: FiinPro-X Platform. Ghi chú: Dữ liệu được tính cho 1143/1652 doanh nghiệp và ngân hàng (chiếm 99,1% vốn hóa toàn thị trường)

- Nhóm tăng trưởng VƯỢT TRỘI so với cùng kỳ là các ngành hàng gắn liền với cầu tiêu dùng trong nước, bao gồm Bán lẻ, Du lịch & Giải trí, Thực phẩm (Chăn nuôi) và nhóm Hàng hóa & Xuất khẩu (Phân bón, Cao su, Thủy sản, Dệt may). Đây là các ngành có nền so sánh cùng kỳ ở mức rất thấp và đang hưởng lợi từ xu hướng hồi phục về cầu tiêu dùng và đà tăng giá hàng hóa.
- Nhóm DUY TRÌ tăng trưởng ổn định bao gồm Ngân hàng, CNTT, Tài nguyên Cơ bản, Xây dựng và Vật liệu. Trong đó, Ngân hàng và CNTT có tăng trưởng thấp hơn so với kỳ vọng. Nhóm có tín hiệu HỒI PHỤC đáng chú ý là Bất động sản với LNST tăng trở lại trong Q3-2024 (+8,3% YoY) sau khi tăng trưởng âm trong 4 quý liên tiếp trước đó. Ngoài ra, Truyền thông và Tiện ích (Điện) cũng ghi nhận tăng trưởng cao trong quý 3 này, lần lượt tăng +227% YoY và +35% YoY sau nhiều quý suy giảm.
- Ở nhóm SUY GIẢM về LNST, ngoài Dầu khí và Y tế xuất hiện thêm Viễn thông (-33% YoY) và Chứng khoán (-8,6% YoY và -13,2% QoQ). Với Chứng khoán, quý 4 dự kiến tiếp tục kém tích cực cho các CTCK trong bối cảnh thị trường chứng khoán lành lành với thanh khoản thấp.

Toàn thị trường: Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch LNST 2024 đạt 82% trong 9 tháng đầu năm

Biểu đồ 4: Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch LNST 2024 ở nhóm Phi tài chính đạt 84%, cao hơn Tài chính (73%)



- Trên phạm vi toàn thị trường, trong 9T2024, các doanh nghiệp niêm yết đạt mức tăng trưởng LNST gần 21% YoY, cao hơn kế hoạch năm 2024 (+17,9%), và đã hoàn thành 83% kế hoạch LNST cả năm.
- Đây là tỷ lệ hoàn thành tương đối cao, nhờ đóng góp chủ yếu từ nhóm Phi tài chính (Bán lẻ, Hàng & Dịch vụ công nghiệp, Hóa chất, Hàng cá nhân & Gia dụng, Tài nguyên Cơ bản).
- Ngược lại, tỷ lệ hoàn thành kế hoạch khá thấp ở Ngân hàng và Bất động sản - hai ngành chiếm tỷ trọng áp đảo trong cơ cấu LNST và vốn hóa của toàn thị trường.
- Một số ngành khác như Tài nguyên Cơ bản (chủ yếu là Thép), Viễn thông, CNTT có tăng trưởng LNST 9T2024 vượt xa kế hoạch cả năm 2024. Tuy nhiên, tỷ lệ hoàn thành kế hoạch cả năm đạt 76%-79% trong 9T2024 cho thấy các ngành này vẫn đang bám sát kế hoạch và chưa thực sự tạo ra bất ngờ nào về lợi nhuận so với kế hoạch được ban lãnh đạo trình đại hội đồng cổ đông thường niên hồi đầu năm nay.

Nguồn: FiinPro-X Platform. Ghi chú: Dữ liệu được tính cho 1143/1652 doanh nghiệp và ngân hàng (chiếm 99,1% vốn hóa toàn thị trường)

PHẦN I: CHẤT LƯỢNG TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN

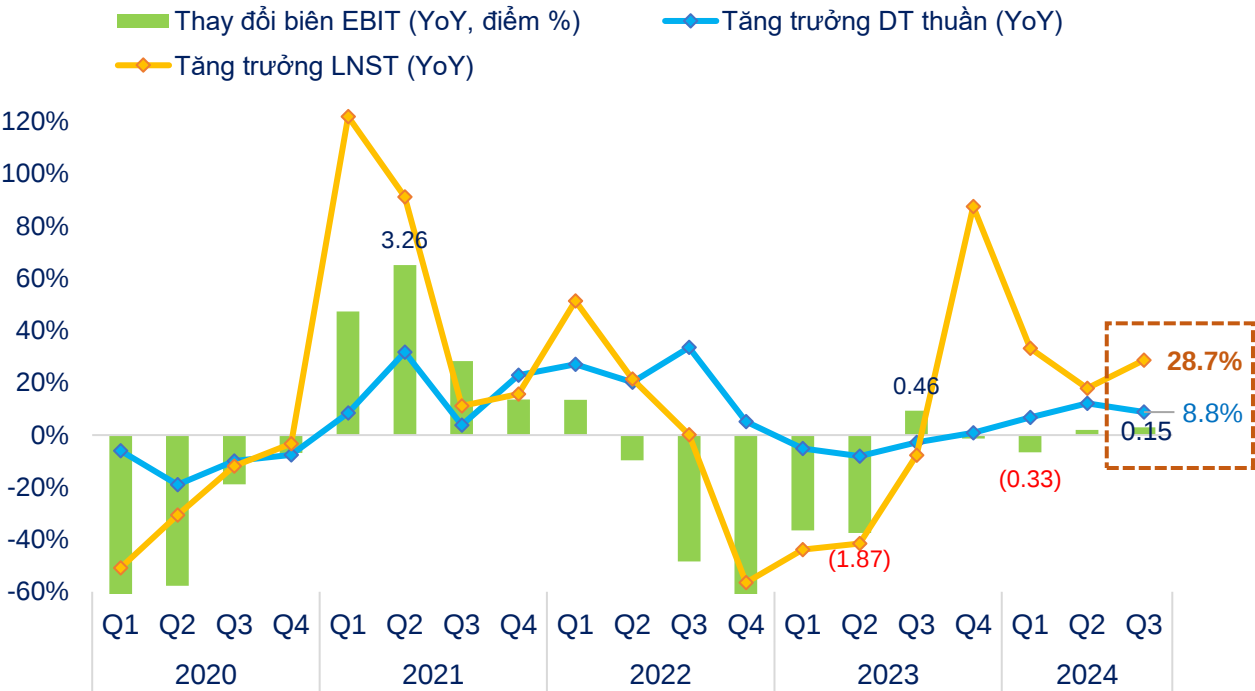
2. Phi tài chính

Chất lượng tăng trưởng kém đi



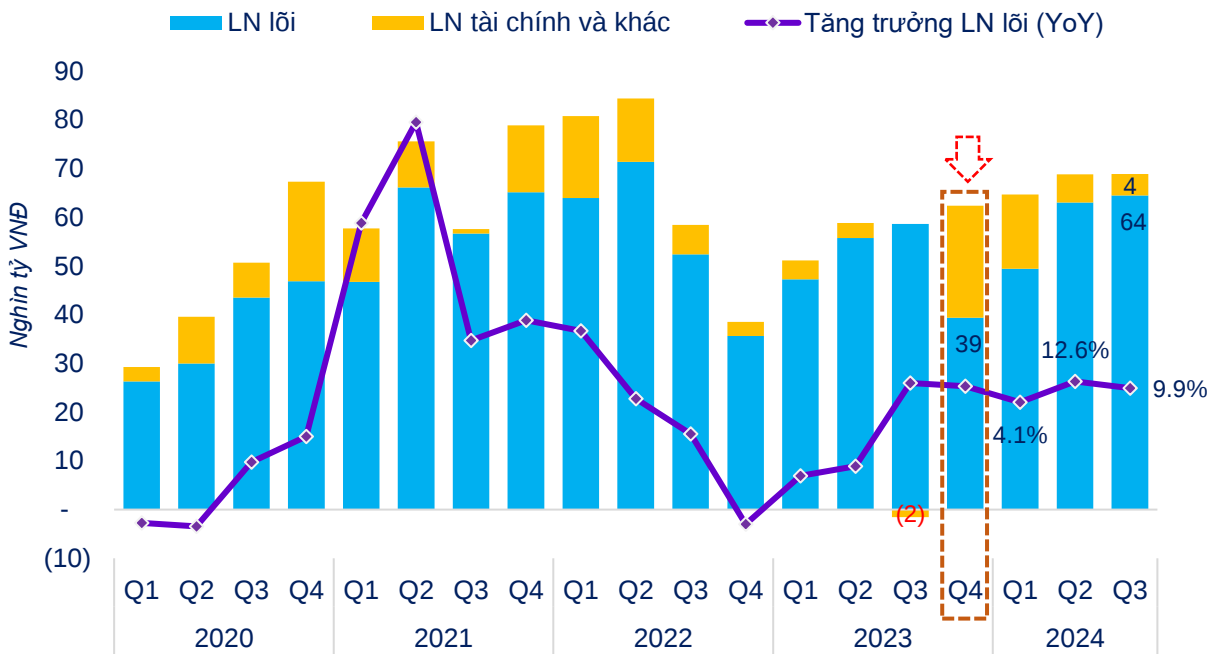
Phi tài chính: Lợi nhuận sau thuế tăng tốc trong quý 3, nhưng chất lượng tăng trưởng kém đi

Biểu đồ 5: Doanh thu tăng ổn định và biên EBIT đi ngang, nhưng LNST tăng tốc trong Q3-2024, đạt +28,7% YoY



Nguồn: FiinPro-X Platform. Ghi chú: Dữ liệu được tính cho 1060/1558 doanh nghiệp (chiếm 99% vốn hóa nhóm Phi Tài chính)

Biểu đồ 6: Thu nhập tài chính đóng góp đáng kể vào tăng trưởng LNST Q3



- LNST tăng trưởng +28,7% YoY trong Q3-2024, cao hơn mức tăng trong quý 2 trước đó (+18% YoY) cho dù doanh thu duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định và biên lợi nhuận trước thuế và lãi vay (biên EBIT) gần như đi ngang.
- Đóng góp chính vào mức tăng trưởng cao về LNST trong quý 3 này là các khoản thu nhập không thường xuyên (bao gồm thu nhập tài chính và thu nhập khác) ở ngành Bất động sản (NVL, VHM, ...), Điện (PGV, POW). Nếu không tính đến các khoản thu nhập không thường xuyên này, LNST Q3-2024 của nhóm Phi tài chính ghi nhận mức tăng trưởng thấp hơn (+11% YoY), kéo tăng trưởng LNST toàn thị trường về mức 12% (so với con số chính thức là +21,9% YoY).

Phi tài chính: Lợi nhuận bước vào giai đoạn “ổn định” ở nhiều ngành và có tín hiệu hồi phục ở Bất động sản

Bảng 1: 6/16 ngành Phi tài chính có tăng trưởng lợi nhuận DUY TRÌ trong Q3-2024

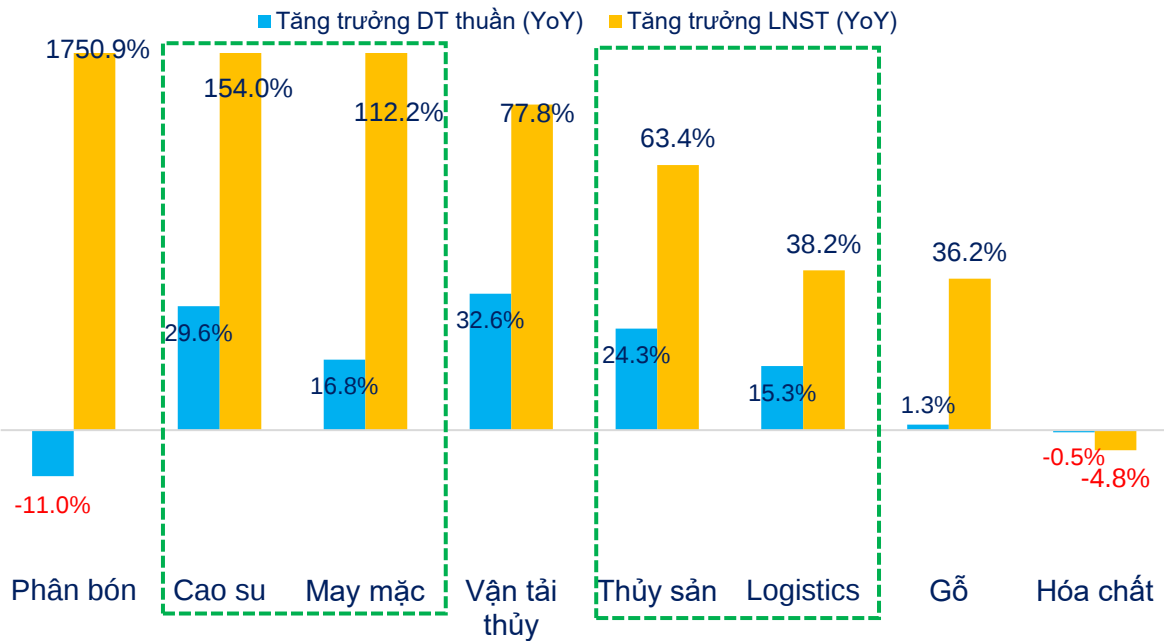
Ngành	Tăng trưởng DT thuần hàng quý (YoY)					Thay đổi biên EBIT hàng quý (YoY)					Tăng trưởng LNST hàng quý (YoY)					
	Q3-23	Q4-23	Q1-24	Q2-24	Q3-24	Q3-23	Q4-23	Q1-24	Q2-24	Q3-24	Q3-23	Q4-23	Q1-24	Q2-24	Q3-24	
Bán lẻ	-0.1%	4.4%	17.7%	14.5%	12.9%	(3.1)	(2.2)	1.7	3.0	1.8	-68.2%	-69.5%	420.8%	3302.5%	233.4%	TĂNG TRƯỞNG
Du lịch và Giải trí	14.9%	33.9%	24.9%	10.6%	18.0%	2.1	13.2	3.8	5.7	6.0	14.2%	63.0%	1135.2%	259.9%	194.1%	
Hóa chất	-8.4%	-14.8%	-3.0%	2.6%	0.6%	(9.0)	(3.8)	1.3	3.4	1.8	-64.4%	1.8%	5.7%	91.7%	61.0%	
Hàng cá nhân & Gia dụng	-8.6%	3.3%	12.4%	15.7%	12.1%	(1.2)	(0.0)	(0.4)	1.3	0.6	-40.1%	18.4%	0.7%	35.6%	54.6%	
Xây dựng và Vật liệu	-13.2%	-2.9%	15.0%	10.5%	6.4%	1.0	1.5	1.5	0.3	1.0	2.5%	75.5%	131.0%	39.2%	29.8%	DUY TRÌ
Thực phẩm và đồ uống	-2.3%	-3.6%	6.9%	7.9%	5.0%	(0.8)	(0.6)	1.3	0.4	0.9	-17.4%	61.9%	48.2%	7.7%	24.4%	
Công nghệ Thông tin	13.4%	9.9%	17.2%	25.2%	21.2%	1.3	0.9	1.0	(0.4)	0.1	15.9%	30.9%	21.9%	24.4%	18.0%	
Tài nguyên Cơ bản	-5.9%	4.3%	7.3%	21.8%	8.2%	5.4	7.7	1.6	1.8	(0.1)	160.5%	165.2%	157.0%	442.7%	15.9%	
Hàng & Dịch vụ công nghiệp	-0.5%	5.9%	9.3%	23.5%	12.9%	(0.3)	(0.0)	1.1	0.9	1.9	0.0%	6.7%	62.0%	13.5%	12.6%	
Ô tô và phụ tùng	8.3%	34.2%	31.9%	67.7%	57.7%	(1.9)	(1.9)	(0.3)	(2.7)	(1.0)	-54.8%	-17.2%	139.4%	153.9%	31.9%	
Truyền thông	4.5%	-1.0%	9.1%	5.0%	6.3%	0.5	0.5	2.1	(6.8)	3.2	196.7%	103.2%	33.7%	-572.5%	227.0%	HỒI PHỤC
Tiện ích	-12.1%	-4.5%	-3.2%	10.3%	4.2%	(2.4)	(2.7)	(4.0)	(1.4)	(0.7)	-38.5%	-28.3%	-45.7%	-22.0%	34.5%	
Bất động sản	10.1%	-31.5%	-34.4%	-8.0%	3.3%	1.1	15.3	(3.6)	(11.4)	(1.6)	-32.7%	-1.8%	-69.3%	-35.6%	8.3%	
Y tế	-12.5%	-3.6%	-6.1%	1.6%	-4.7%	0.3	(0.7)	(0.8)	(2.2)	(1.3)	-7.3%	4.6%	-15.9%	-13.4%	-2.0%	TẠO ĐÁY
Dầu khí	-2.7%	3.3%	10.9%	10.3%	-3.4%	2.9	(0.1)	0.0	(0.1)	(4.1)	828.6%	-2.9%	5.5%	-7.9%	-112.0%	

Nguồn: FiinPro-X Platform. Ghi chú: Dữ liệu được tính cho 1060/1558 doanh nghiệp (chiếm 99% vốn hóa nhóm Phi Tài chính)

- Lợi nhuận sau thuế đang ở trạng thái TĂNG TRƯỞNG cao nhờ nền so sánh thấp ở nhóm Hàng tiêu dùng, bao gồm Bán lẻ, Du lịch & Giải trí, Hóa chất (tập trung ở Phân bón, Cao su...) và Hàng cá nhân & Gia dụng (đáng chú ý là Dệt may) và bước vào giai đoạn “ổn định” (DUY TRÌ) với mức tăng trưởng không còn đột biến như các quý trước ở Tài nguyên Cơ bản (chủ yếu là Thép), Thực phẩm & Đồ uống, Xây dựng & Vật liệu, Công nghệ Thông tin.
- Ở nhóm HỒI PHỤC, đáng chú ý là ngành Bất động sản với LNST tăng trở lại trong Q3-2024 (+8,3% YoY) sau khi tăng trưởng âm trong 4 quý liên tiếp trước đó. Cụ thể, BĐS khu công nghiệp dẫn dắt với mức tăng +40,4% YoY trong khi BĐS nhà ở ghi nhận mức tăng thấp hơn (+4,8%) với đóng góp đáng kể của thu nhập từ hoạt động tài chính. Ngược lại, Bất động sản bán lẻ (chủ yếu là VRE) giảm -11,9% YoY, đi ngược kỳ vọng hồi phục.

Xuất khẩu: Động lực tăng trưởng là sự hồi phục về đơn hàng, trong khi biên lợi nhuận cải thiện chậm

Biểu đồ 7: Biên EBIT hồi phục hồi phục chậm ở nhóm Xuất khẩu, ngoại trừ Cao su, May mặc và Thủy sản



Nguồn: FiinPro-X Platform. Ghi chú: Dữ liệu được tính cho 1143/1652 doanh nghiệp và ngân hàng (chiếm 99,1% vốn hóa toàn thị trường)

Biên EBIT hàng quý

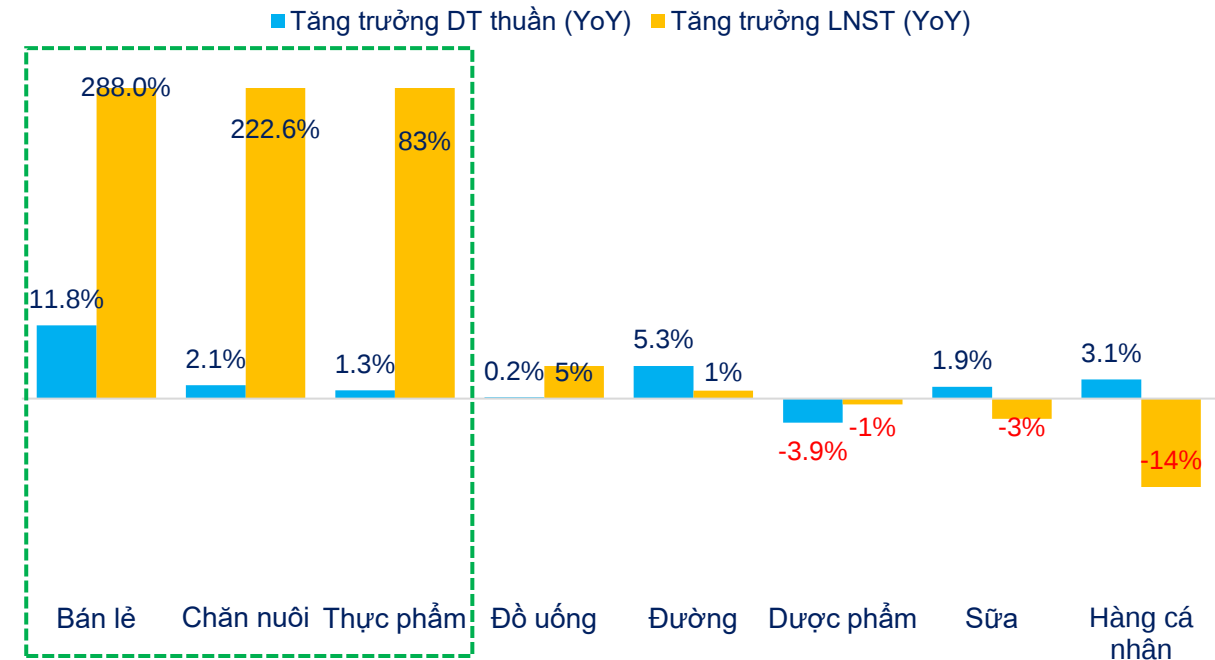
Ngành	2020-2023			2024	Thay đổi (YoY, điểm %)		
	Cao	Thấp	TB	Q3	Q1-24	Q2-24	Q3-24
Phân bón	26.1%	0.2%	8.9%	2.0%	1.9	4.5	1.8
Cao su	23.5%	-1.7%	13.1%	20.0%	7.4	3.3	13.3
May mặc	7.3%	1.8%	4.3%	4.5%	0.4	2.1	0.9
Vận tải thủy	15.9%	-4.8%	8.8%	8.7%	0.2	(1.9)	(0.1)
Thủy sản	11.5%	0.1%	5.8%	4.8%	3.2	(1.8)	0.8
Logistics	17.1%	7.8%	12.0%	15.6%	2.1	(0.0)	1.4
Gỗ	9.6%	-3.4%	6.3%	5.4%	1.6	2.1	(4.2)
Hóa chất	31.7%	9.4%	17.3%	15.5%	(2.2)	0.6	(0.1)

Triển vọng tăng trưởng:

- Với **Cao su**, đà tăng tích cực của giá mủ cao su giúp biên EBIT tăng +13,3 điểm phần trăm so với cùng kỳ và là động lực chính cho tăng trưởng lợi nhuận đột phá của các doanh nghiệp tập trung trồng và khai thác mủ cao su, bao gồm TRC (+483%), HRC (292,3%), DRI (284,4%). Giá xuất khẩu cao su bình quân 10T2024 đã tăng +22,8% so với cùng kỳ năm 2023 và dự kiến sẽ tiếp tục xu hướng tăng hoặc neo ở mức cao từ nay đến giữa tháng 6/2025 do rủi ro thiếu hụt nguồn cung trên thế giới. Đây vẫn sẽ là yếu tố chính hỗ trợ nhóm Cao su (không bao gồm các doanh nghiệp hạ nguồn là Lốp xe như DRC hay CSM) tiếp tục đạt mức tăng trưởng lợi nhuận ấn tượng trong Q4/2024 (một phần là nhờ nền so sánh cùng kỳ ở mức thấp).
- Đồng pha với đà tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam, tín hiệu hồi phục về lợi nhuận cũng trở nên rõ nét hơn ở ngành **Dệt may** (STK, TNG và HTG) và **Thủy sản** (VHC, ANV) trong quý 3/2024 với doanh thu tăng trưởng và biên EBIT cải thiện (chủ yếu nhờ chi phí đầu vào thấp hơn trong khi giá bán bình quân hồi phục chậm). Sự hồi phục mạnh về đơn hàng từ các thị trường xuất khẩu lớn như Mỹ, Châu Âu, Trung Quốc (xuất phát từ nhu cầu tăng tích trữ hàng tồn kho cho mùa lễ hội cuối năm và sự dịch chuyển đơn hàng từ các đối thủ như Ecuador, Bangladesh, Myanmar...) là động lực cho tăng trưởng doanh thu của hai ngành này. Tuy nhiên, triển vọng phía trước gặp trở ngại bởi nhu cầu ở Trung Quốc – một trong 3 thị trường xuất khẩu thủy sản chủ lực của Việt Nam đang có dấu hiệu chững lại. Ngoài ra, căng thẳng ở Biển Đỏ làm tăng thời gian và chi phí vận tải biển, buộc các doanh nghiệp Dệt may và Thủy sản phải chia sẻ chi phí và do đó khiến biên EBIT hồi phục chậm.

Hàng Tiêu dùng: Tăng trưởng lợi nhuận phân hóa, nhưng điểm chung là doanh thu hồi phục chậm

Biểu đồ 8: Bán lẻ, Chăn nuôi, Thực phẩm đạt tăng trưởng cao về Lợi nhuận trong Q3 nhờ biên EBIT cải thiện



Nguồn: FiinPro-X Platform. Ghi chú: Dữ liệu được tính cho 1143/1652 doanh nghiệp và ngân hàng (chiếm 99,1% vốn hóa toàn thị trường)

Biên EBIT hàng quý

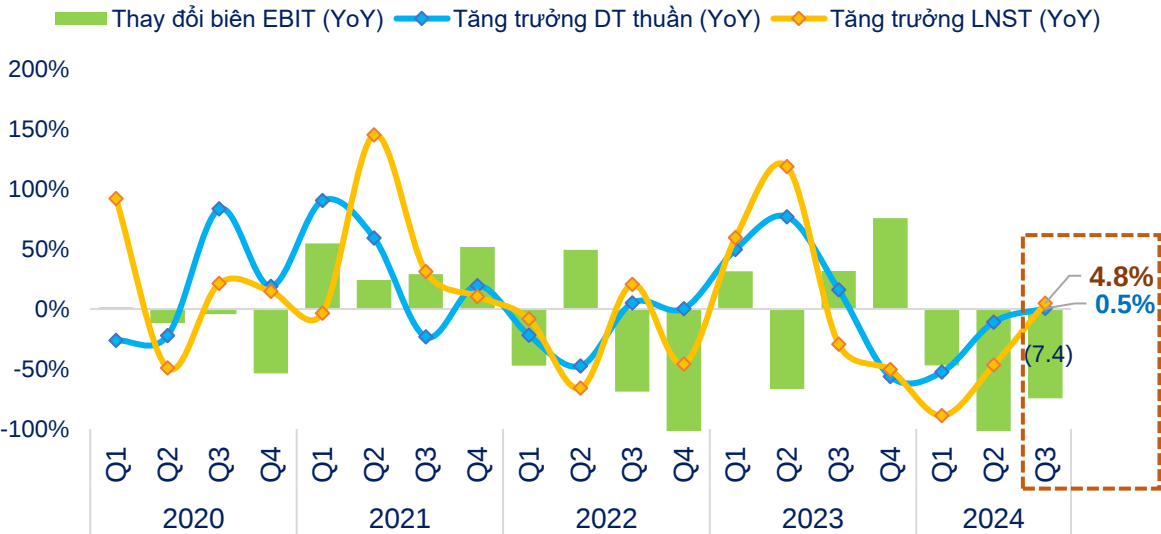
Ngành	2020-2023			2024	Thay đổi (YoY, điểm %)		
	Cao	Thấp	TB	Q3	Q1-24	Q2-24	Q3-24
Bán lẻ	4.6%	0.4%	3.0%	2.4%	1.1	2.5	1.5
Chăn nuôi	13.7%	-15.2%	4.4%	12.2%	6.8	(1.5)	5.7
Thực phẩm	7.0%	0.4%	4.1%	6.2%	(0.0)	1.5	0.4
Đồ uống	15.8%	7.1%	11.1%	11.3%	0.7	1.6	2.3
Đường	13.6%	8.2%	10.1%	11.1%	2.2	(2.3)	0.4
Dược phẩm	10.8%	5.7%	8.1%	8.7%	(0.9)	(2.3)	(1.2)
Sữa	21.9%	13.1%	18.0%	16.9%	2.0	1.7	(0.7)
Hàng cá nhân	10.6%	-6.5%	6.9%	4.9%	(1.8)	(1.1)	(0.6)

Triển vọng tăng trưởng:

- Trong khi doanh thu tăng vừa phải do cầu tiêu dùng trong nước hồi phục chậm, biên EBIT cải thiện tiếp tục là yếu tố hỗ trợ chính cho tăng trưởng LNST đột biến của một số ngành hàng Hàng tiêu dùng trong quý 3/2024, bao gồm Bán lẻ (MWG, FRT), Chăn nuôi (DBC, MML), Thực phẩm (MSN). Riêng với PAN (thuộc ngành Thực phẩm), tăng trưởng LNST trong Q3-2024 (+78,2% YoY) có đóng góp đáng kể từ mảng nông dược, khử trùng (+146% YoY) thông qua CTCP Khử trùng Việt Nam (VFC) trong khi mảng Thực phẩm (Thủy sản và Lương thực) tăng thấp hơn.

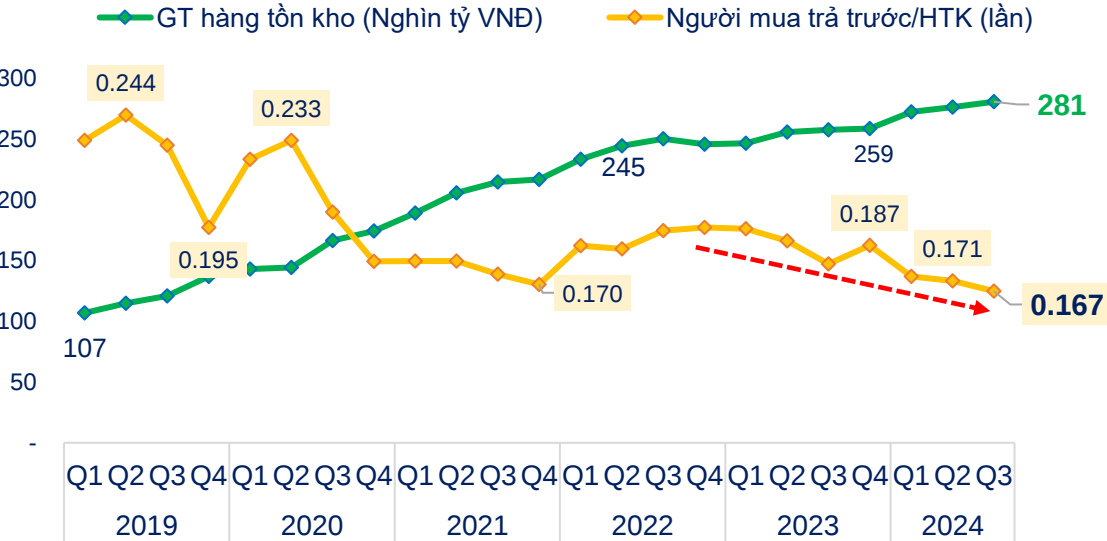
Bất động sản nhà ở: Tiến độ bán hàng tiếp tục diễn ra chậm trong quý 3, nhưng...

Biểu đồ 9: Doanh thu tăng trưởng dương lần đầu tiên sau 3 quý, nhưng LNST tăng nhờ thu nhập tài chính



Nguồn: FiinPro-X Platform.
Ghi chú: Dữ liệu được tính cho 1143/1652 doanh nghiệp và ngân hàng (chiếm 99,1% vốn hóa toàn thị trường)

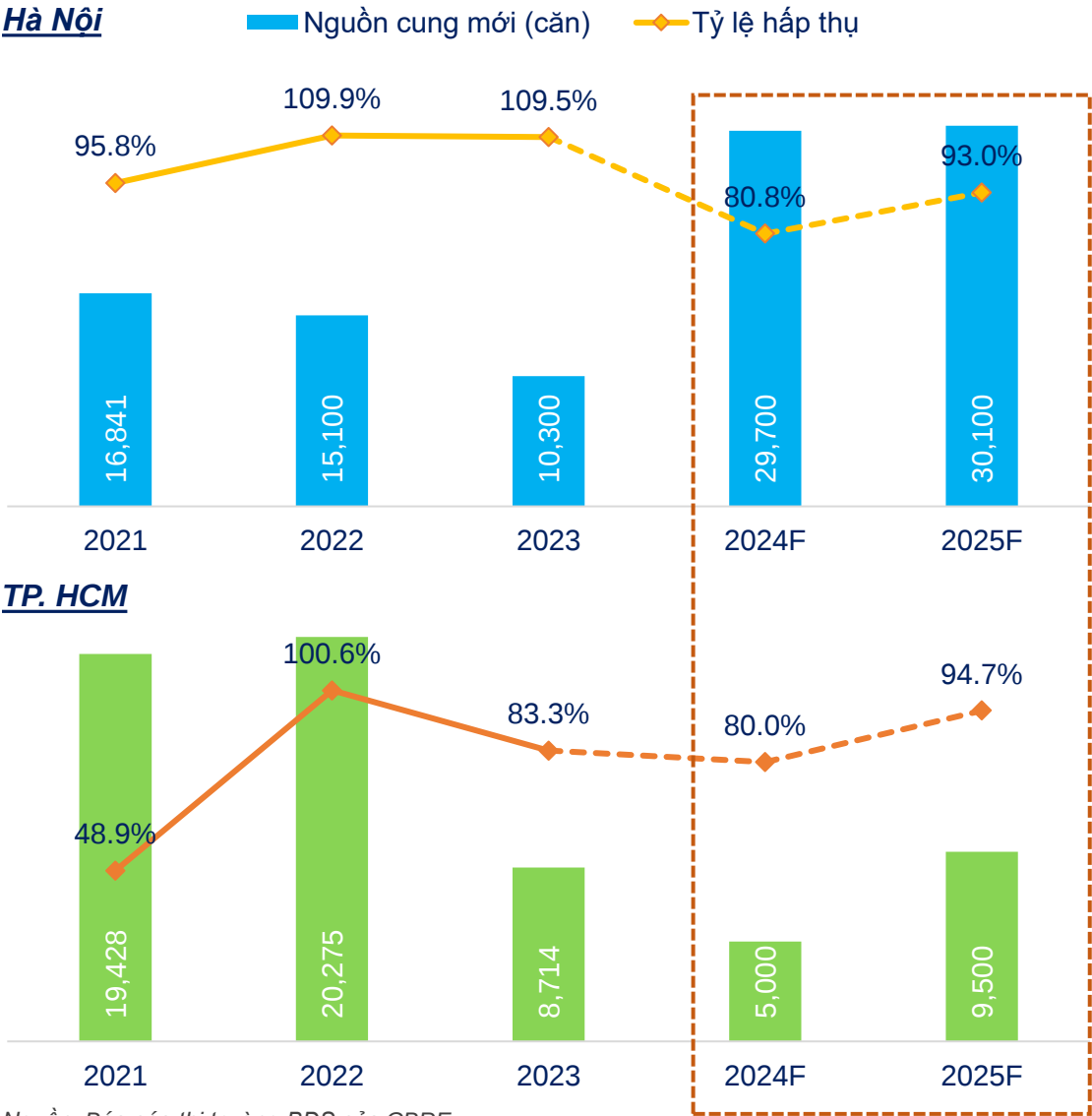
Biểu đồ 10: Hàng tồn kho tiếp tục gia tăng, trong khi tiến độ mở bán vẫn trì trệ



- LNST Q3-2024 của các doanh nghiệp Bất động sản nhà ở tăng +4,8% so với cùng kỳ, nhưng tăng trưởng này được đóng góp đáng kể từ thu nhập không thường xuyên (bao gồm thu nhập tài chính và thu nhập khác) ở NVL.
- Quy mô hàng tồn kho tiếp tục tăng nhẹ so với quý trước (+1,8% QoQ) trong khi tốc độ mở bán mới vẫn khá chậm, thể hiện qua xu hướng đi xuống của tỷ lệ Người mua trả trước/Hàng tồn kho.

Bất động sản nhà ở: ...kỳ vọng sẽ hồi phục tích cực sau khi các nút thắt pháp lý được “khởi thông”

Biểu đồ 11: Nguồn cung căn hộ và tỷ lệ hấp thụ có tín hiệu hồi phục từ đáy



Nguồn: Báo cáo thị trường BĐS của CBRE

Bảng 2: Tỷ lệ Người mua trả trước/Hàng tồn kho ở một số DN BĐS nhà ở

Mã CK	D/E (ròng)	Nợ vay/ EBITDA	Khả năng chi trả lãi vay	DT thuần 9T2024	Giá trị Hàng tồn kho	Tỷ lệ Người mua trả trước/ Hàng tồn kho
	x	x	x	Tỷ VNĐ	Tỷ VNĐ	x
NVL	1.4	(13.5)	1.0	2,010	145,429	0.14
VHM	0.2	7.0	4.7	33,323	58,034	0.87
KDH	0.2	9.7	-	253	22,450	0.13
NLG	0.3	48.1	(0.6)	371	20,371	0.24
DXG	0.3	5.3	2.5	1,013	13,830	0.08
PDR	0.4	(509.3)	(0.6)	3	12,854	0.00
DIG	0.2	152.7	(2.7)	47	7,865	0.33
HDG	0.5	5.4	3.1	567	891	0.02
NTL	-	-	-	4	508	0.02

Nguồn: FiinPro-X Platform.

- Thị trường Bất động sản nhà ở bắt đầu có tín hiệu hồi phục: (1) tín dụng cho người mua nhà bắt tăng trong quý 3/2024, lũy kế 9T2024 đạt 4,6%, cao hơn đáng kể so với mức tăng 1,2% trong 6T2024 và (2) nguồn cung và lượng tiêu thụ sơ cấp tăng trở lại.
- Trong bối cảnh nguồn cung mới vẫn khan hiếm (do vướng mắc pháp lý) và cầu thị trường dần hồi phục (một phần được hỗ trợ bởi mặt bằng lãi suất duy trì ở mức hấp dẫn), triển vọng sẽ tích cực hơn đối với các doanh nghiệp có dự án được khởi thông pháp lý và chuẩn bị mở bán trong một vài quý tới, bao gồm VHM, NLG, KDH, DXG, PDR.

Bất động sản nhà ở: Kỳ vọng ở nhóm DN có hàng tồn kho lớn và dự án được gỡ pháp lý

Bảng 3: Các dự án sắp mở bán đáng chú ý của 5 DN BĐS nhà ở đang niêm yết

Mã CK	Dự án	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Quy mô dự án	Thời gian mở bán	Thời gian bàn giao	Hiện trạng pháp lí	Tỉ lệ sở hữu	Giá trị tồn kho (30/9/2024)
			ha						Tỷ VNĐ
DXG	Gem Sky World	Đồng Nai	92	Thấp tầng	2020-2027F	2021-2027F	Hoàn thiện pháp lý	100%	>13.200
	Gem Riverside	TP.HCM	7	Căn hộ	Q1/2025-2028F	2027-2030F	Đã được cấp GPXD vào T9/2024	100%	
KDH	Privia	TP HCM	2	Căn hộ	2023-2024F	2024-2025F	Hoàn thành pháp lý. Dự kiến bắt đầu bàn giao từ tháng 10/2024.	100%	1,742
	Clarita	TP HCM	6	Thấp tầng	2024-2028F	2025-2030F	Đang xin giấy phép mở bán. Dự kiến mở bán vào cuối 2024 đầu 2025.	51%	4,329
	Emeria	TP Thủ Đức	6	Thấp tầng, Căn hộ	2024-2028F	2025-2030F	Đã trả tiền sử dụng đất GD 1 và đang xin GPXD	51%	3,544
NLG	Mizuki Park	TP HCM	26	Thấp tầng, Căn hộ	2021-2027F	2022-2029F	Đang xin giấy phép xây dựng cho phân khu CC5 và LK11	50%	2,752
	Akari City	TP HCM	8	Căn hộ	2025-2027F	2027-2029F	Chưa hoàn thiện pháp lý cho giai đoạn 3	50%	
	Southgate	Long An	165	Thấp tầng, Căn hộ	2019-2030F	2020-2032F	Hoàn thiện pháp lý	50%	
	Izumi City	Đồng Nai	170	Thấp tầng, Căn hộ	2021-2035F	2023-2036F	Đã hoàn thiện Giấy phép xây dựng cho phân khu 1A1. Chưa hoàn thiện Quy hoạch sửa đổi	65%	
	Cần Thơ	Cần Thơ	43	Thấp tầng, Căn hộ, Đất nền	2023-2029F	2024-2030F	Hoàn thiện đóng tiền sử dụng đất (phân khu đất nền) và giấy phép xây dựng cho EhomeS	100%	
PDR	Khu đô thị Bắc Hà Thanh	Bình Định	43	Nhà liền kề		12/2024F	Được cấp Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất cho giai đoạn 1 và được cấp Giấy phép xây dựng giai đoạn 2		583
VHM	Vinhomes Cổ Loa	Đông Anh, Hà Nội	385	4,147 căn thấp tầng và 12,600 căn cao tầng	9/2024		Đã phê duyệt QH 1/500 và hoàn thành GPMB		
	Vinhomes Wonder Park	Đan Phượng, Hà Nội	133	2,300 căn thấp tầng, 600 căn chung cư	Q4/2024	2029F	Đã phê duyệt QH 1/500 và hoàn thành GPMB		

Nguồn: Báo cáo tài chính, Báo cáo thường niên và các tài liệu khác

PHẦN I: CHẤT LƯỢNG TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN

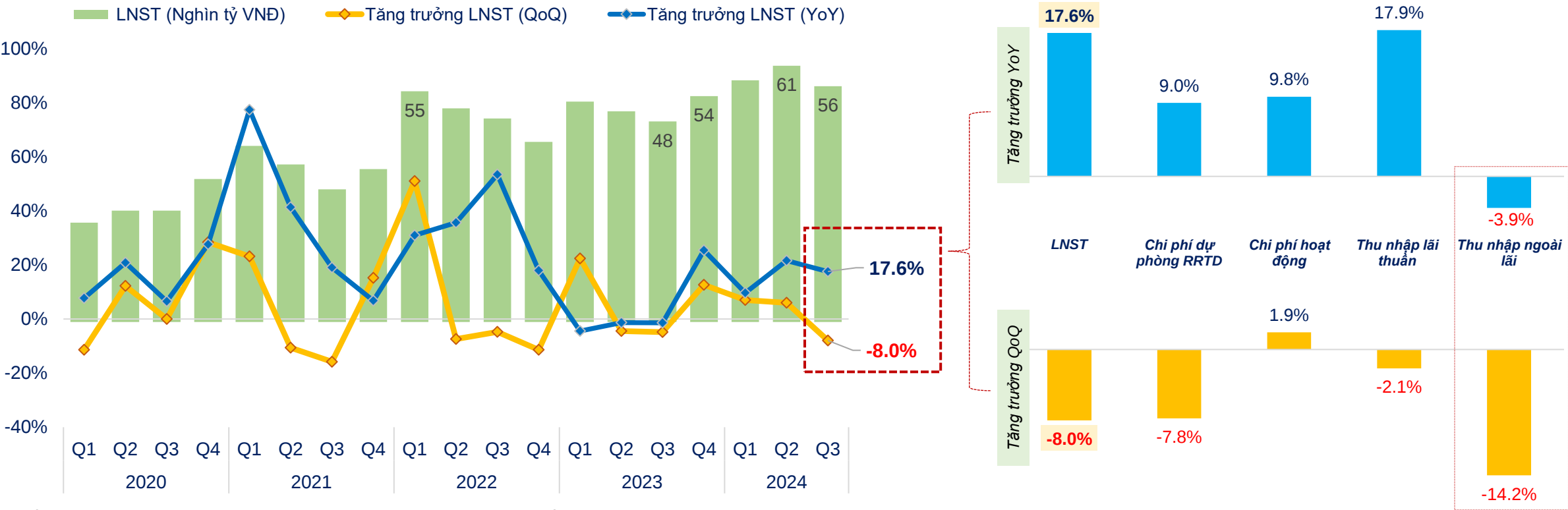
3. Ngân hàng

Thách thức trong ngắn hạn!



Ngân hàng gặp thách thức trong việc duy trì tăng trưởng lợi nhuận ngắn hạn!

Biểu đồ 12: LNST hụt đà tăng trong quý 3/2024, thu nhập ngoài lãi tiếp tục kém đi

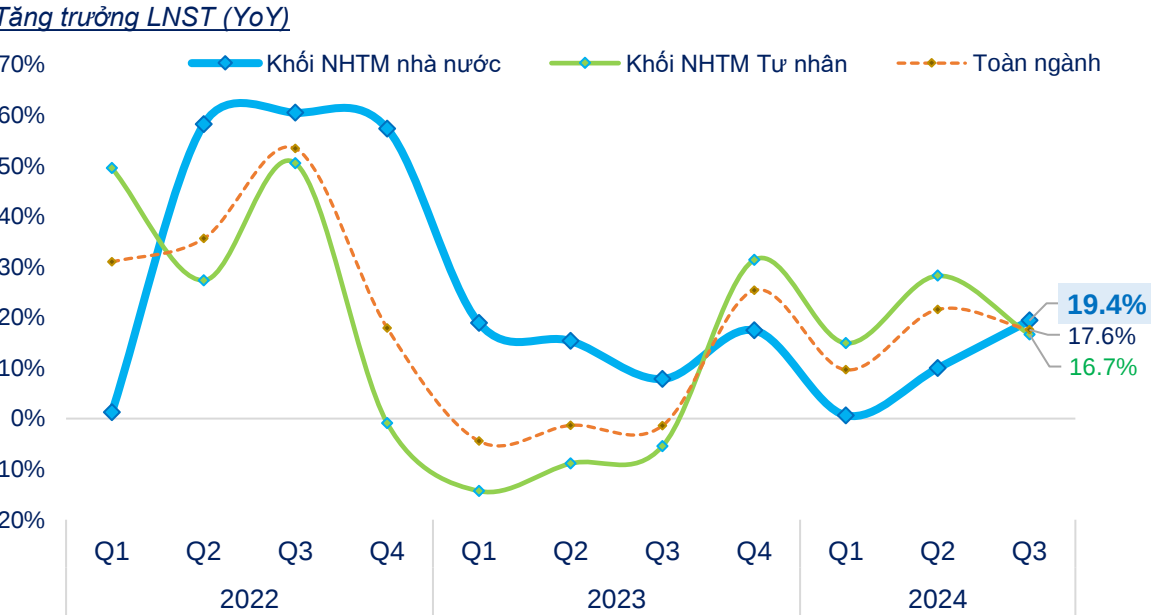


Nguồn: FiinPro-X Platform. Ghi chú: Dữ liệu tính cho 27/27 Ngân hàng niêm yết.

- LNST của 27/27 Ngân hàng niêm yết đạt hơn 56 nghìn tỷ đồng trong quý 3/2024, tăng +17,6% so với cùng kỳ năm 2023 – thấp hơn mức tăng trưởng trong quý trước đó (+21,6% YoY). Động lực tăng trưởng chủ yếu là thu nhập lãi thuần tăng mạnh (+17,9%) nhờ tín dụng tăng, bù đắp phần chi phí dự phòng và chi phí hoạt động gia tăng.
- Tuy nhiên, chất lượng tăng trưởng lợi nhuận đang kém đi trong bối cảnh NIM thu hẹp trên diện rộng và thậm chí tiệt cận vùng đáy giai đoạn hậu Covid-19 ở nhiều ngân hàng (bao gồm VCB, BID, ACB, TCB, VIB, TPB, SHB). Chi phí tín dụng của ngành ở mức 1,23% trong Q3-2024, thấp hơn cùng kỳ (1,34%) cho dù tỷ lệ nợ xấu cùng ở vùng đỉnh và tỷ lệ tạo mới nợ xấu tiếp tục tăng.
- So với quý 2/2024, LNST của toàn ngành giảm -8%. Đây là kết quả kinh doanh kém hơn kỳ vọng ở ngành Ngân hàng trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng chậm lại và mảng kinh doanh phi tín dụng (bao gồm hoạt động bán chéo bảo hiểm – bancassurance) kém đi, khiến thu nhập từ lãi và ngoài lãi giảm lần lượt -2,1% và -14,2% QoQ.

Các NHTM nhà nước chịu áp lực nhẹ hơn so với khối Tư nhân

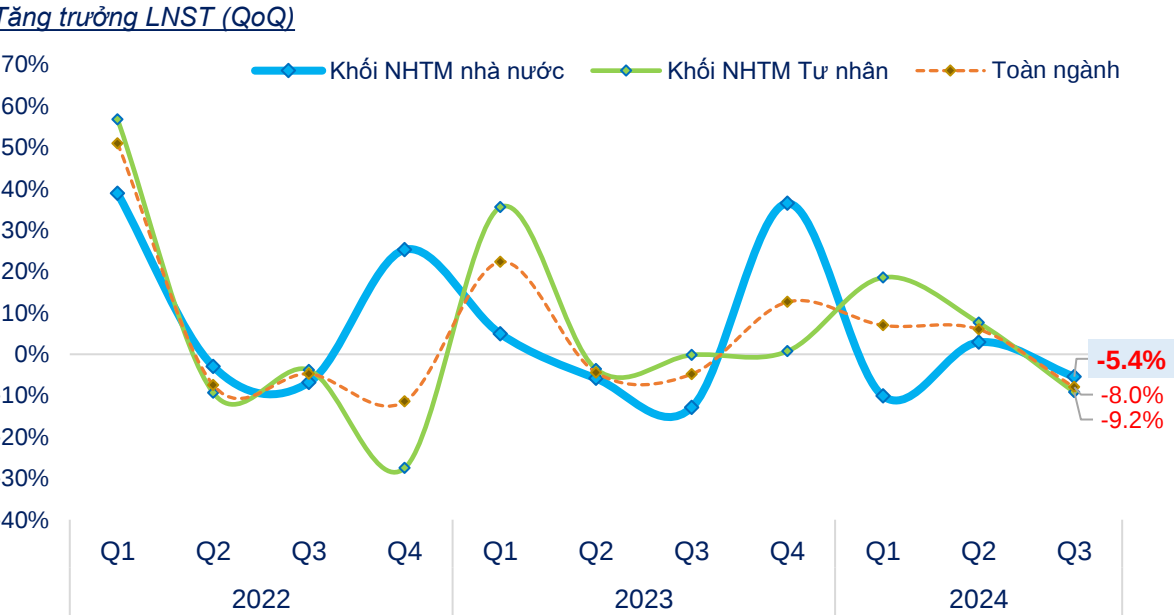
Biểu đồ 13: So với cùng kỳ, khối NHTM nhà nước đang lấy lại đà tăng trưởng



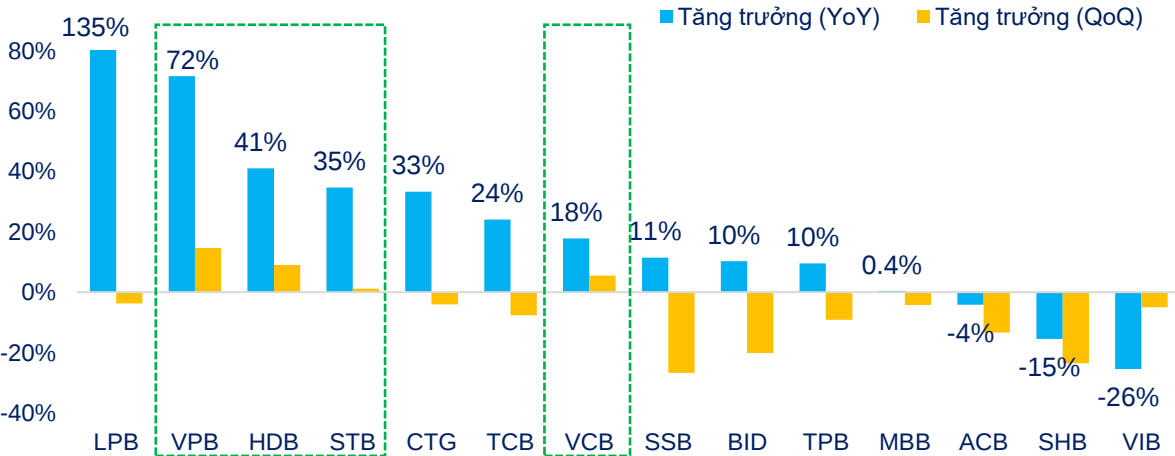
Nguồn: FiinPro-X Platform. Ghi chú: Dữ liệu tính cho 27/27 Ngân hàng niêm yết.

- Tăng trưởng LNST so với cùng kỳ được dẫn dắt bởi nhóm NHTMCP nhà nước (CTG, VCB) và một số ngân hàng tư nhân (VPB, LPB, HDB). Đây hầu hết là các ngân hàng có lợi nhuận tạo đáy trong Q3-2023 (tính cho giai đoạn hậu Covid-19).
- Ở chiều ngược lại, BID, MSB, ACB, ABB và SHB tác động đáng kể vào mức giảm chung về lợi nhuận của toàn ngành so với quý trước do thu nhập kém đi từ hoạt động cho vay (đặc biệt là ở SHB) và mảng dịch vụ (BID, ACB, MSB, ABB).
- Nhóm có LNST Q3-2024 cùng tăng so với cùng kỳ và so với quý trước đáng chú ý là VCB, VPB, HDB và STB. Động lực chủ yếu đến từ tăng trưởng thu nhập lãi thuần (so với cùng kỳ) và giảm trích lập dự phòng (so với quý trước).

Biểu đồ 14: So với quý trước, LNST khối NHTM nhà nước ghi nhận mức giảm ít hơn

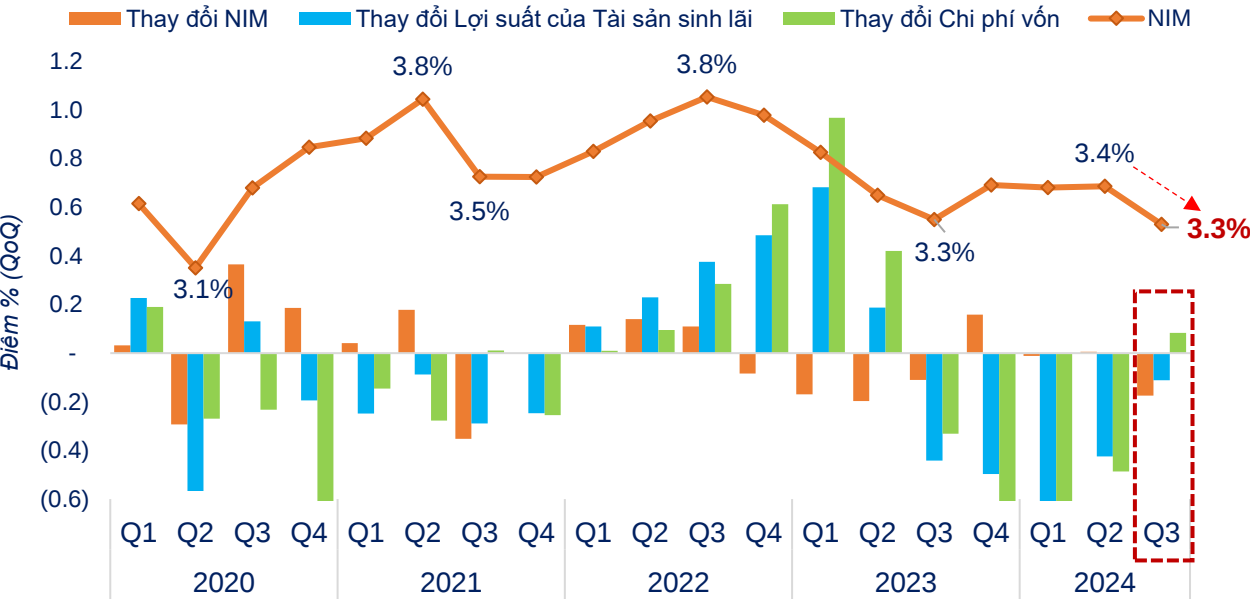


Biểu đồ 15: 4/27 Ngân hàng có LNST cùng tăng so với cùng kỳ và quý trước



NIM giảm về đáy giai đoạn hậu COVID và đối mặt với rủi ro tiếp tục thu hẹp

Biểu đồ 16: NIM giảm sau 3 quý đi ngang do chi phí huy động vốn tăng lên



Nguồn: FiinPro-X Platform. Ghi chú: Dữ liệu tính cho 27/27 Ngân hàng niêm yết

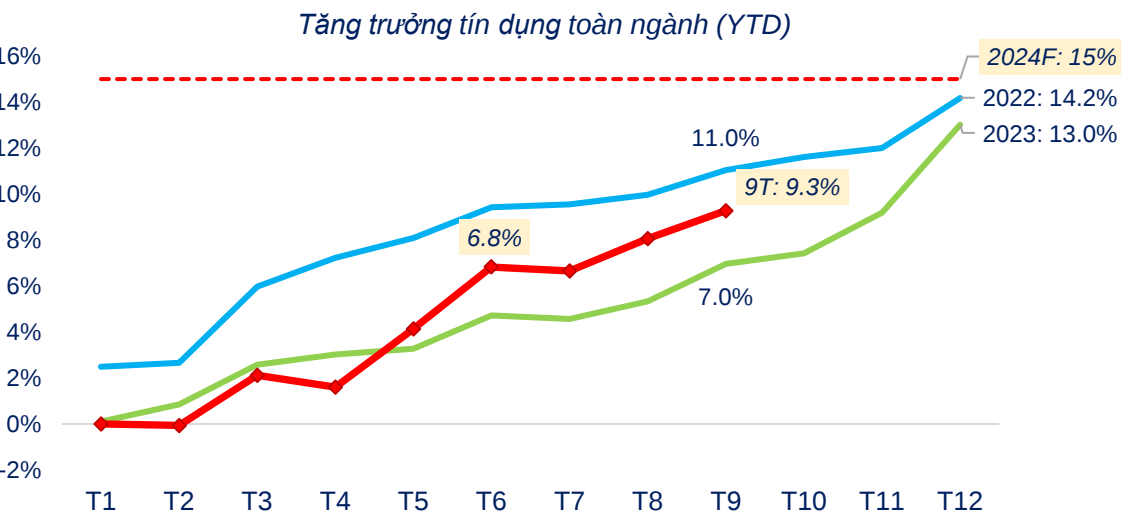
- NIM toàn ngành giảm về 3,3% trong Q3-2024, tương đương mức đáy giai đoạn hậu Covid-19. Nguyên nhân chủ yếu là:
 - Chi phí huy động vốn (COF) tăng trở lại do mặt bằng lãi suất huy động cao hơn.
 - Tỷ suất sinh lợi của tài sản tiếp đà giảm khi lãi suất cho vay tiếp tục đi ngang trong bối cảnh chính phủ vẫn chủ trương ổn định lãi suất để hỗ trợ tăng trưởng.
 - Thay đổi cơ cấu dư nợ cho vay: Tín dụng tăng mạnh hơn ở nhóm khách hàng tổ chức – thường có NIM thấp hơn so với nhóm khách hàng cá nhân
- Các ngân hàng đang đối mặt với rủi ro NIM tiếp tục giảm trong thời gian tới bởi chi phí tín dụng có thể tăng lên do áp lực nợ xấu gia tăng khi Thông tư 02 về cơ cấu nợ hết hiệu lực (dự kiến là 31/12/2024). Chi phí tín dụng Q3-2024 ở mức 1,23%, thấp hơn cùng kỳ (1,34%) cho dù tỷ lệ nợ xấu ở vùng đỉnh (tương tự Q3-2023) và tỷ lệ tạo mới nợ xấu tiếp tục tăng.

Biểu đồ 17: NIM giảm ở hầu hết các ngân hàng, riêng STB có NIM cải thiện so với cùng kỳ và quý trước

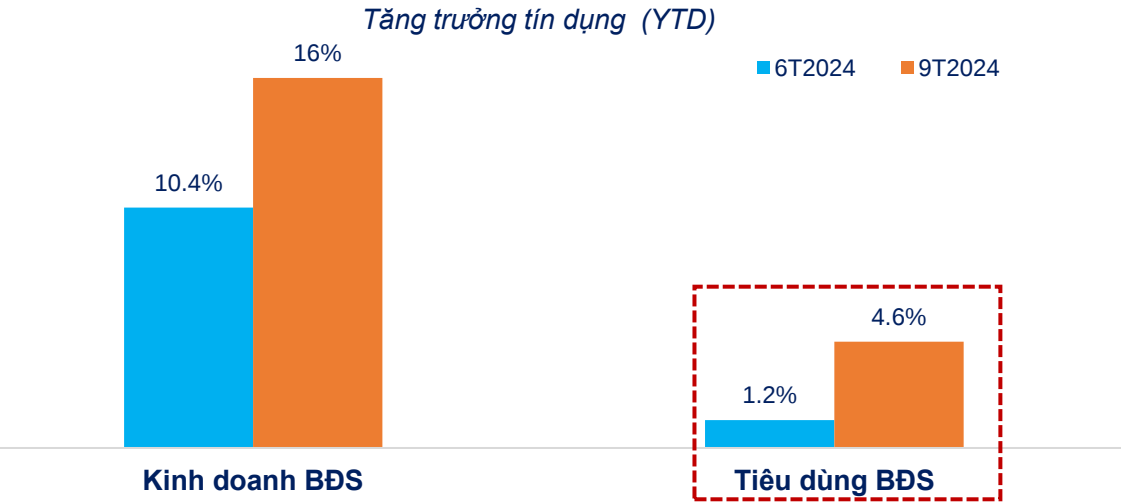
	NIM (Q3-2024)	Thay đổi (điểm %, QoQ)	Thay đổi (điểm %, YoY)
VPB	5.8%	(0.2)	0.0
HDB	5.4%	(0.1)	0.1
MBB	4.2%	(0.2)	0.0
TCB	4.1%	(0.4)	(0.1)
SSB	4.0%	(0.1)	0.9
VIB	3.7%	(0.0)	(0.3)
STB	3.6%	0.2	0.1
ACB	3.6%	(0.2)	(0.2)
TPB	3.5%	(0.4)	(0.7)
LPB	3.4%	0.0	(0.0)
MSB	3.3%	(0.0)	(0.3)
VCB	2.8%	(0.1)	(0.4)
CTG	2.8%	(0.1)	(0.2)
BID	2.2%	(0.2)	(0.1)
SHB	2.0%	(0.6)	(1.5)

Tín dụng tiếp tục tăng ổn định, cho vay tiêu dùng Bất động sản có tín hiệu hồi phục!

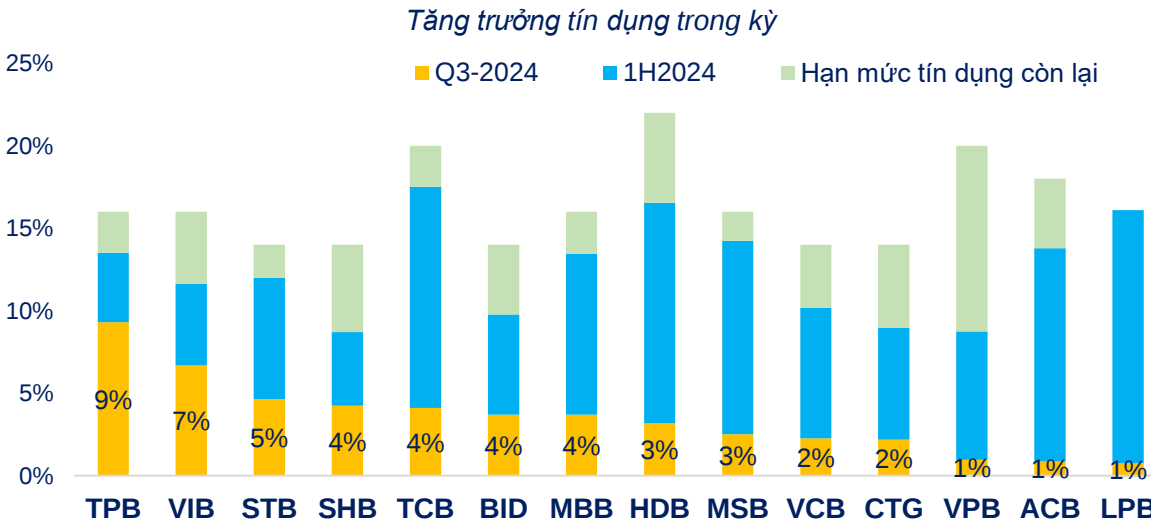
Biểu đồ 18: Tín dụng tiếp xu hướng tăng ổn định, đạt 9,3% trong 9T2024



Biểu đồ 19: Cho vay tiêu dùng Bất động sản có tín hiệu hồi phục



Biểu đồ 20: Tín dụng tăng chậm lại ở nhóm NHTM nhà nước, nhưng tăng tốc ở một số ngân hàng vừa và nhỏ

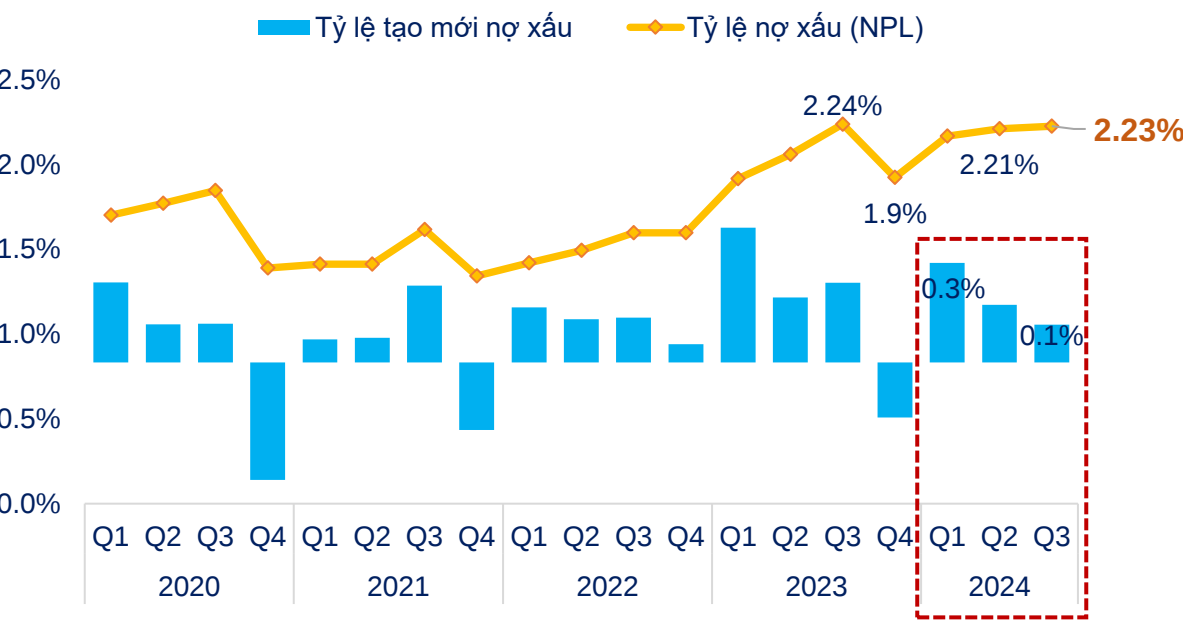


- Q3-2024: Tăng trưởng tín dụng chững lại ở VCB, CTG, MBB, VPB, ACB, HDB, LPB. Ngược lại, tín dụng tăng đột biến ở một số ngân hàng vừa và nhỏ (bao gồm TPB, VIB, STB, SHB).
- Nhờ một số dự án bất động sản nhà ở được mở bán, dư nợ cho vay đối với người mua nhà (thường mang lại NIM cao) tăng 3,4% trong quý 3, tăng tốc từ mức tăng khiêm tốn nửa đầu năm (+1,2%).
- Kết thúc 9T2024, các NHTM tư nhân top đầu (ngoại trừ VPB) đã sử dụng gần hết hạn mức tín dụng được NHNN cấp từ đầu năm 2024, trong đó có TCB, MBB, ACB, STB.
- Tuy nhiên, mức tăng trưởng tín dụng cao này chưa đủ để hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận của các ngân hàng trong bối cảnh áp lực trích lập dự phòng tăng lên, mặt bằng lãi suất cho vay được giữ ổn định và thu nhập ngoài lãi kém đi.

Nguồn: FiinPro-X Platform, NHNN. Ghi chú: Dữ liệu tính cho toàn ngành Ngân hàng

Sức ép lên chất lượng tài sản vẫn lớn khi thời hạn cơ cấu nợ theo Thông tư 02 đang đến gần

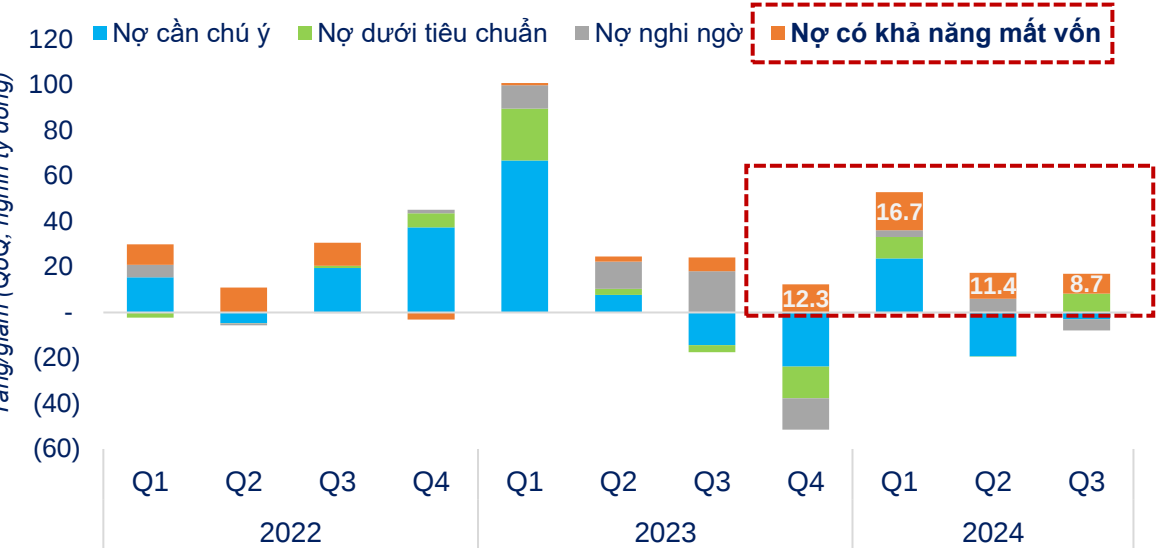
Biểu đồ 21: Tỷ lệ tạo mới nợ xấu tăng quý thứ 3 liên tiếp và...



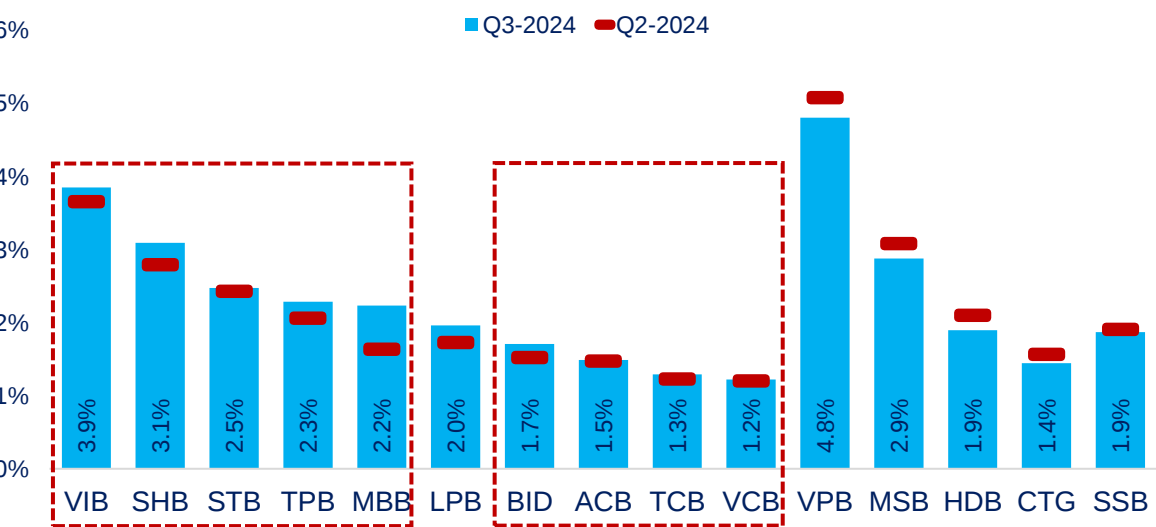
Nguồn: FiinPro-X Platform. Ghi chú: Dữ liệu tính cho 27/27 Ngân hàng niêm yết.

- Tỷ lệ nợ xấu nội bảng của 27/27 ngân hàng tại thời điểm cuối tháng 9/2024 ở mức 2,23% - quý thứ 3 liên tiếp duy trì ở vùng đỉnh. Tỷ lệ nợ xấu tăng mạnh so với cuối quý 2/2024 ở SHB, MBB, LPB, BID trong khi giảm đi ở CTG, VPB, HDB, MSB.
- Tỷ lệ nợ xấu mới hình thành tiếp tục gia tăng, trong đó tăng đáng kể ở nhóm Nợ có khả năng mất vốn (một phần do các ngân hàng chủ động phân loại lại nợ khi thời hạn hiệu lực của Thông tư 02 sắp đến – 31/12/2024). Nợ nhóm 5 tăng 4 quý liên tiếp ở BID, VCB, VIB, STB, ACB, MSB, EIB.
- Tỷ lệ nợ xấu nội bảng chưa bao gồm đầy đủ các khoản nợ được tái cơ cấu theo Thông tư 02 (ước khoảng 230 nghìn tỷ đồng, tương đương 1,6% tổng dư nợ cho vay toàn nền kinh tế đến 30/6/2024) và các khoản nợ bị ảnh hưởng bởi bão Yagi (hơn 165 nghìn tỷ đồng, tương đương 1,16% tổng dư nợ vay đến giữa tháng 9/2024).

Biểu đồ 22: ...nhóm Nợ có khả năng mất vốn duy trì tăng

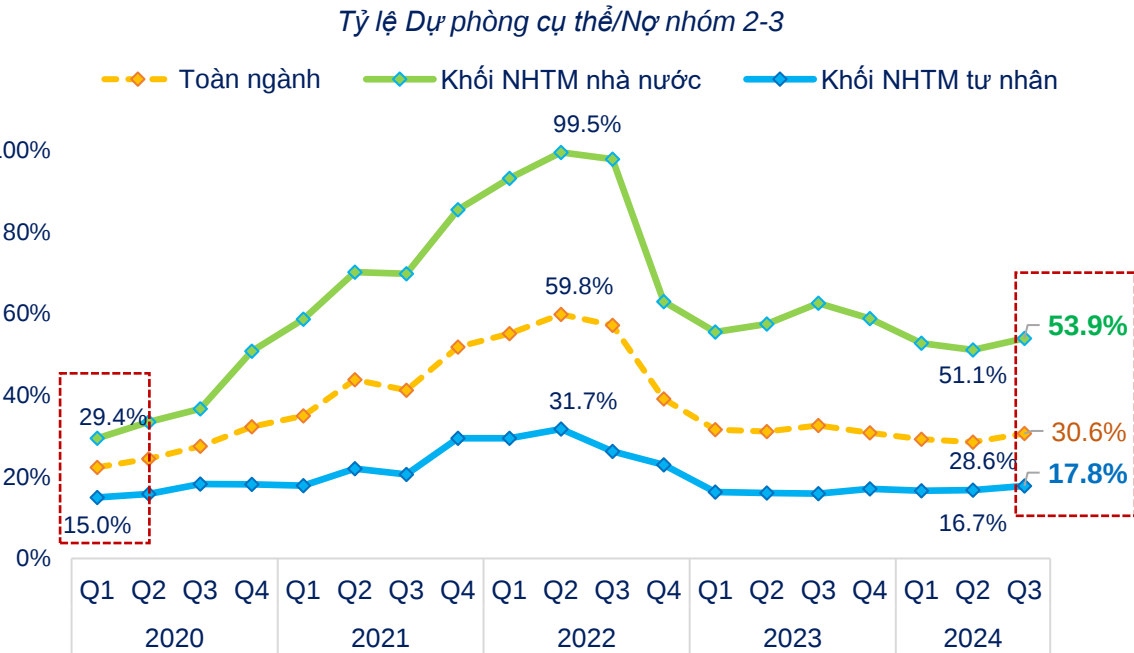


Biểu đồ 23: Tỷ lệ nợ xấu tăng ở hầu hết các ngân hàng trong quý 3



Bộ đệm dự phòng ở mức rất thấp, khối NHTM tư nhân chịu áp lực trích lập

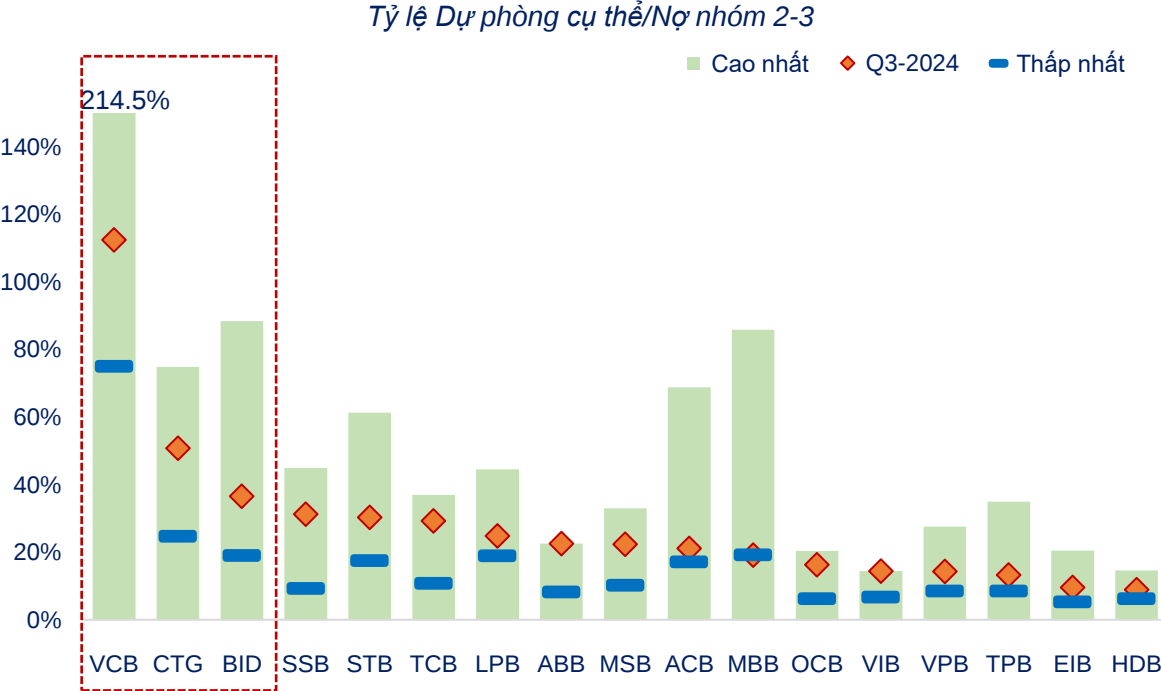
Biểu đồ 24: Các ngân hàng tăng trích lập dự phòng trong Q3, nhưng...



Nguồn: FiinPro-X Platform. Ghi chú: Dữ liệu tính cho 17/27 Ngân hàng niêm yết (chiếm gần 70% tổng dư nợ cho vay toàn nền kinh tế tính đến cuối tháng 9/2024).

- Số liệu từ 17/27 ngân hàng niêm yết (chiếm gần 70% tổng dư nợ toàn nền kinh tế) cho thấy tại thời điểm 30/9/2024, dự phòng cụ thể đạt 59,4% tổng dư nợ nhóm 3-5 và 31% nợ nhóm 2-5, cải thiện nhẹ so với mức đáy hậu COVID-19 (Q2/2024).
- Tuy nhiên, mức bao phủ nợ xấu này vẫn tương đối thấp trong bối cảnh chất lượng tài sản của nhiều ngân hàng chưa thực sự cải thiện, đặc biệt là ở khối tư nhân. Tỷ lệ tạo mới nợ xấu duy trì xu hướng tăng liên tục trong 3 quý gần đây, với rủi ro gia tăng mạnh hơn khi Thông tư 02 về cơ cấu nợ vay hết hiệu lực vào 31/12/2024. Điều này dự báo sẽ tạo áp lực đáng kể lên tăng trưởng lợi nhuận do chi phí tín dụng có khả năng tăng mạnh.

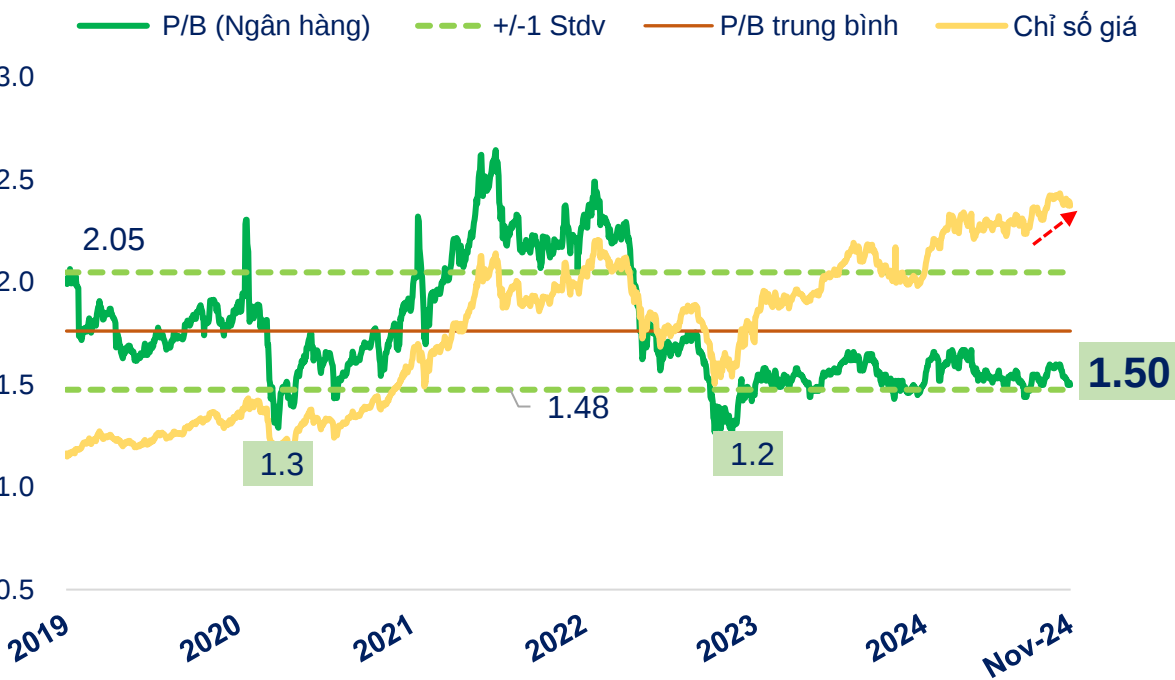
Biểu đồ 25: ...bộ đệm dự phòng vẫn ở mức khá thấp, đặc biệt là khối Tư nhân



- Các NHTM nhà nước (VCB, CTG, BID) dẫn đầu ngành với tỷ lệ dự phòng cụ thể/nợ nhóm 2-3 cao, nhờ tiếp tục gia tăng trích lập vượt giá trị dự phòng đã sử dụng.
- Ngược lại, tại khối ngân hàng tư nhân, tốc độ trích lập và sử dụng dự phòng cụ thể gần như tương đương nhau, khiến tỷ lệ dự phòng cụ thể/nợ nhóm 2-3 đi ngang ở vùng đáy trong 7 quý gần đây. Tỷ lệ này ở mức thấp tại các ngân hàng như MBB, ACB, VPB và HDB, trong khi tăng lên tại TCB và STB, cho thấy sự phân hóa rõ rệt về chiến lược dự phòng trong khối tư nhân.

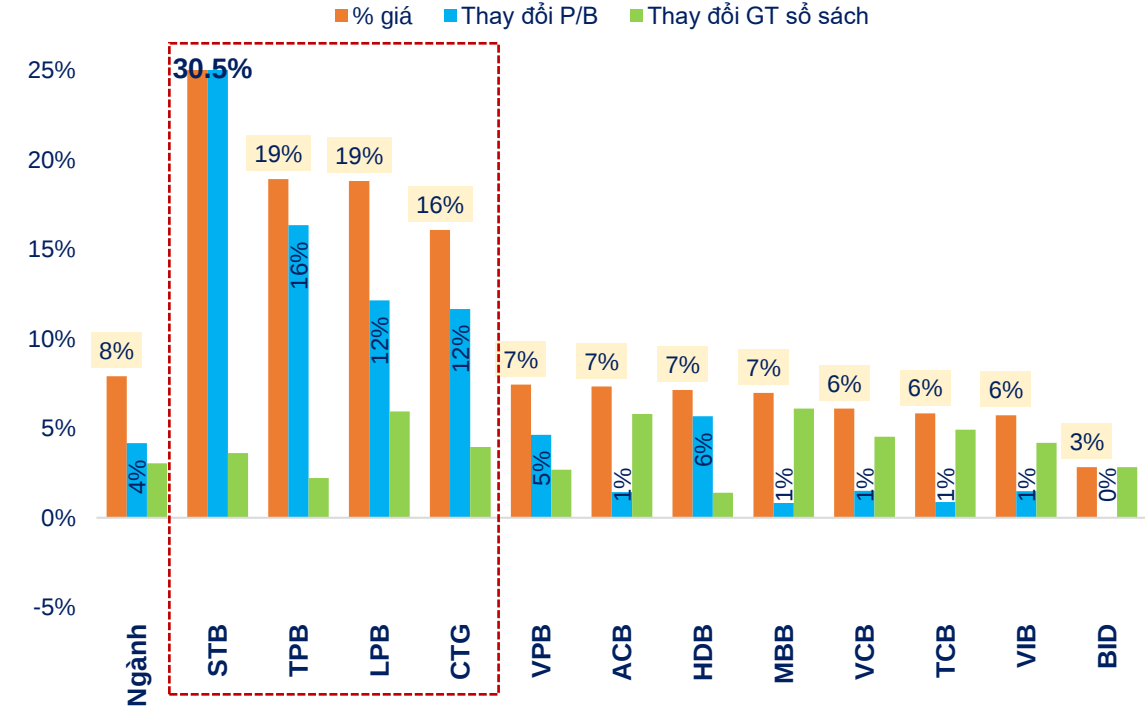
Ngân hàng cần mức chiết khấu sâu hơn về định giá để hút dòng tiền trở lại!

Biểu đồ 26: P/B duy trì ổn định trong biên độ hẹp gần 2 năm



Nguồn: FiinPro-X Platform. Ghi chú: Dữ liệu được cập nhật đến ngày 11/11/2024.

Biểu đồ 27: Tương quan Giá và Định giá của các CP Ngân hàng (1/8-11/11/2024)



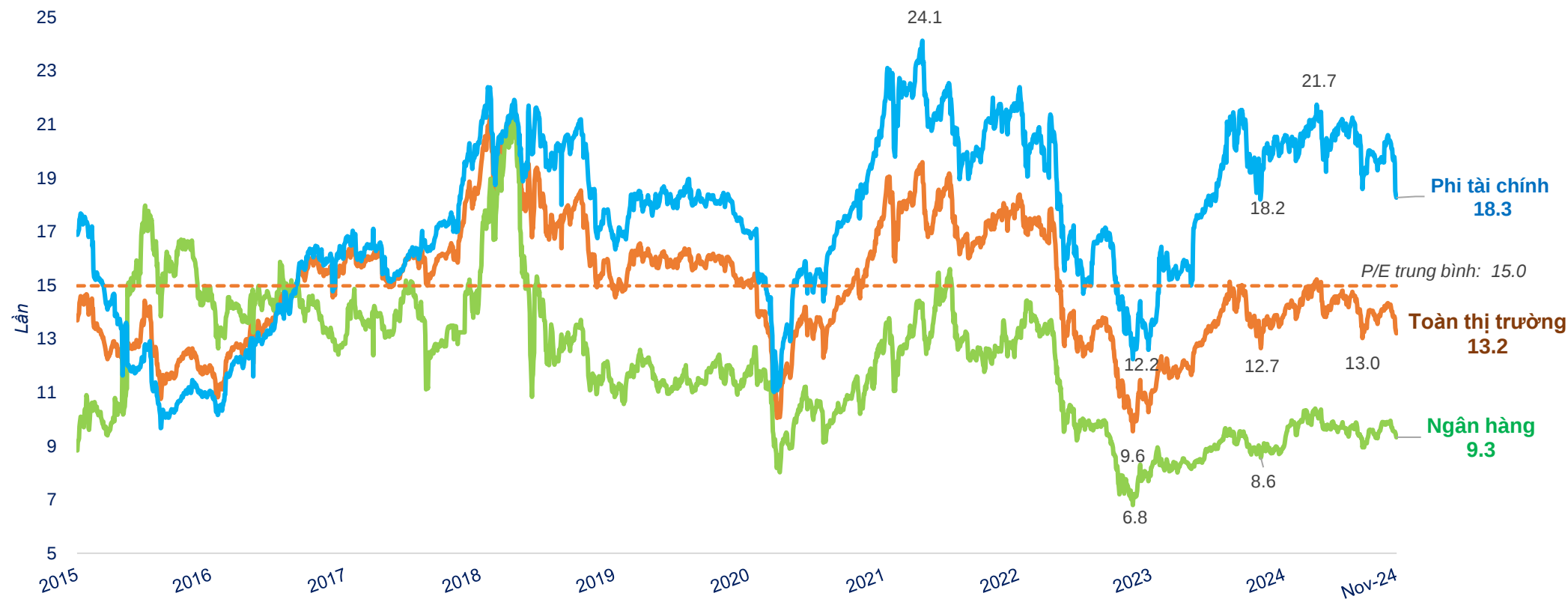
- Chỉ số giá ngành Ngân hàng đã tăng gần 8% trong 3 tháng, cao hơn mức tăng của VNINDEX (+3,1%), nhờ sự cải thiện về định giá và tăng trưởng giá trị sổ sách. Cụ thể, CTG và một số cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ (STB, TPB, LPB) có giá tăng vượt trội so với trung bình ngành nhờ định giá mở rộng. Trong khi đó, nhóm vốn hóa lớn (VCB, BID, TCB, MBB) ghi nhận mức tăng thấp hơn và đóng góp chủ yếu từ tăng trưởng giá trị sổ sách.
- Cổ phiếu Ngân đang giao dịch ở mức 1,5x P/B, duy trì sát biên độ -1 lần độ lệch chuẩn so với trung bình giai đoạn từ 2019 đến nay (1.5x). Trở ngại ngắn hạn (rủi ro NIM thu hẹp, áp lực trích lập dự phòng gia tăng...) cùng với mặt bằng giá tương đối cao (+20% trong 1 năm) khiến Ngân hàng kém hấp dẫn dòng tiền và cần mức chiết khấu sâu hơn về định giá để dòng tiền quay trở lại.

PHẦN II: ĐỊNH GIÁ TTCK VIỆT NAM



Toàn thị trường: P/E ở vùng thấp so với trung bình giai đoạn 2015 đến nay, nhưng...

Biểu đồ 28: Diễn biến P/E của TTCK Việt Nam từ năm 2015 đến nay

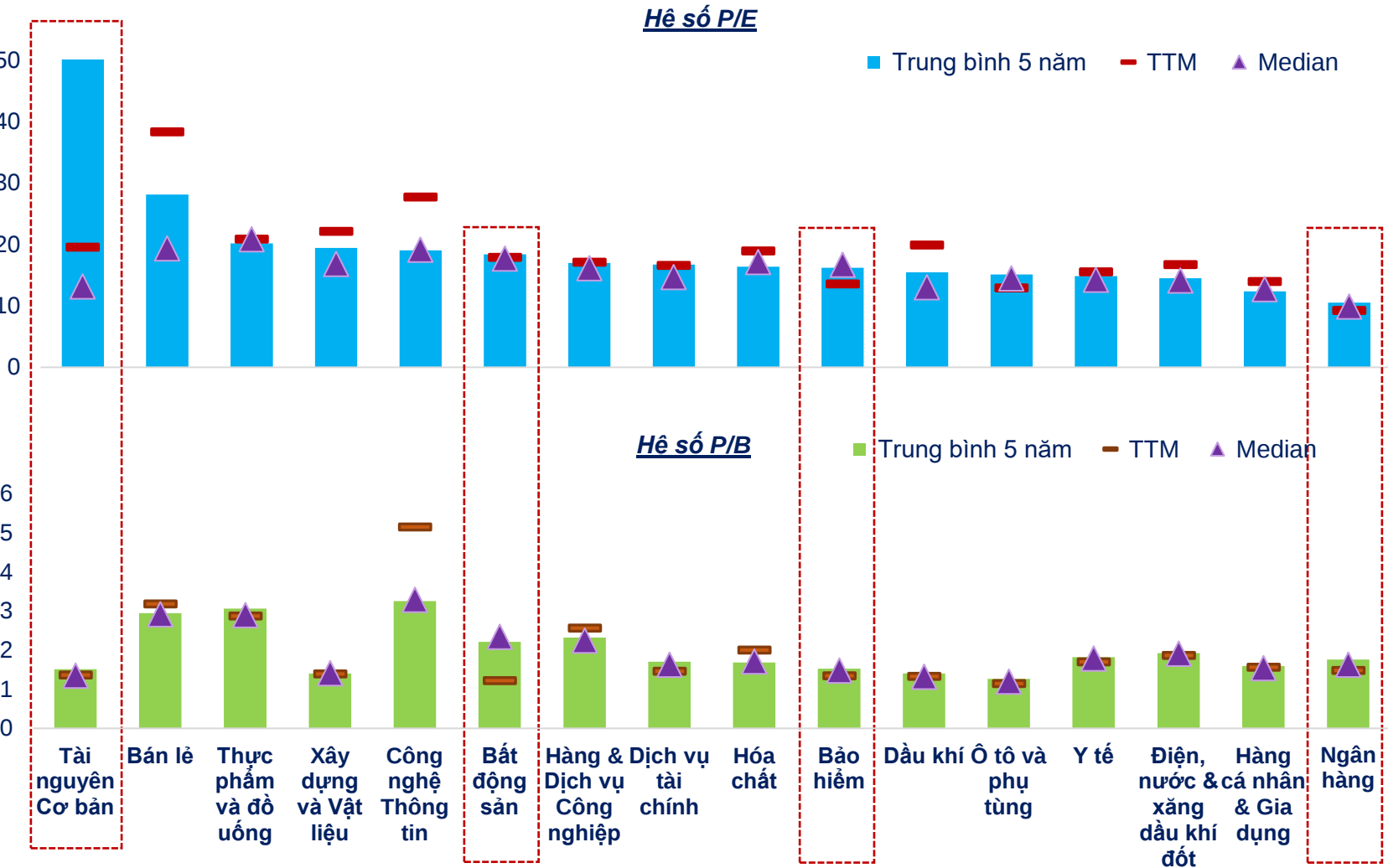


Nguồn: FiinPro-X Platform. Ghi chú: Dữ liệu được cập nhật từ đầu năm 2015 đến ngày 5/11/2024

- Sau khi KQKD quý 3/2024 được cập nhật cùng với nhịp điều chỉnh nhẹ gần đây (VNINDEX giảm -4% trong gần 1 tháng), P/E toàn thị trường hiện ở mức 13,2x, thấp hơn khoảng 12% so với mức trung bình giai đoạn từ 2015 đến nay và tiếp tục bị tác động bởi mức P/E thấp của ngành Ngân hàng (trong khi đó, P/E vẫn neo ở mức cao với nhóm Phi tài chính).
- Nhìn lại lịch sử P/E giai đoạn từ 2020 trở lại đây, mỗi khi P/E về dưới 12x, thị trường ở trạng thái quá bán (RSI <30, VININDEX giảm tối thiểu 10%), tỷ lệ cổ phiếu nằm dưới các ngưỡng hỗ trợ trung-dài hạn (đường MA50/MA100/MA200) vượt mốc 80%-90%, có kỳ vọng mạnh về tăng trưởng lợi nhuận thì đó sẽ là thời điểm VNINDEX đảo chiều đi lên. Ở thời điểm hiện tại, P/E đang cao hơn 39% so với đáy lịch sử (9,6x vào tháng 11/2022) và cao hơn 4% so với đáy 1 năm (12,7x vào tháng 10/2023), thị trường chưa vào vùng quá bán với mức điều chỉnh khoảng -4%, tỷ lệ cổ phiếu nằm dưới các đường MA50/MA100/MA200 ở mức trung tính (60%-70%), kỳ vọng tăng trưởng duy trì ổn định, thì thị trường chưa thể hấp dẫn dòng tiền quay trở lại.
- Ý tưởng đầu tư cho giai đoạn còn lại của năm 2024 sẽ là nhóm cổ phiếu/ngành với mặt bằng định giá thấp hơn so với thị trường chung và có câu chuyện kỳ vọng phía trước.

...hầu hết các ngành đang có mặt bằng định giá tương đương hoặc cao hơn trung bình 5 năm

Biểu đồ 29: So sánh P/E và P/B hiện tại và trung bình 5 năm theo ngành



- CNTT, Bán lẻ, Hóa chất là ba ngành đang có kỳ vọng quá đà, thể hiện qua (1) hệ số P/E và P/B cùng vượt xa mức trung bình 5 năm và (2) tăng trưởng lợi nhuận thấp hơn kỳ vọng.
- Trong khi đó, chỉ có 4/19 ngành đang giao dịch ở nền định giá (dựa trên hệ số P/E và P/B) thấp hơn so với trung bình 5 năm, bao gồm Ngân hàng, Bảo hiểm, Bất động sản, Tài nguyên cơ bản (chủ yếu là Thép), cụ thể:
 - Về cơ bản, Ngân hàng và Bảo hiểm đang gặp thách thức trong việc duy trì tăng trưởng lợi nhuận ngắn hạn. Thép đã ở cuối pha hồi phục nhưng chưa xuất hiện thêm yếu tố mới để giúp lợi nhuận tiếp tục bứt phá.
 - Riêng với Bất động sản, đây là một trong rất ít ngành đang ở đầu chu kỳ hồi phục. Kỳ vọng tăng trưởng được hỗ trợ bởi các động thái tháo gỡ pháp lý ở các dự án BĐS nhà ở và chuẩn bị mở bán của một số doanh nghiệp như DXG, PDR, KDH... như đã chỉ ra trong trang 15 của báo cáo này.

PHỤ LỤC 1: DIỄN BIẾN LỢI NHUẬN MỘT SỐ NHÓM NGÀNH TIÊU BIỂU



Tăng trưởng Doanh thu, LNST và Thay đổi biên EBIT theo ngành

Ngành	Tăng trưởng DT thuần hàng quý (YoY)					Thay đổi biên EBIT hàng quý (YoY)					Tăng trưởng LNST hàng quý (YoY)					
	Q3-23	Q4-23	Q1-24	Q2-24	Q3-24	Q3-23	Q4-23	Q1-24	Q2-24	Q3-24	Q3-23	Q4-23	Q1-24	Q2-24	Q3-24	2024F
Bán lẻ	-1.3%	0.9%	9.8%	12.5%	11.8%	(3.2)	(2.3)	1.1	2.5	1.5	-80.1%	-102.7%	219.2%	5529.1%	288.0%	680.8%
Chăn nuôi	-6.0%	-5.0%	8.6%	-6.8%	2.1%	(1.7)	(6.6)	6.8	(1.5)	5.7	-41.8%	117.2%	311.5%	-17.4%	222.6%	352.0%
Thực phẩm	6.5%	-7.3%	6.9%	3.6%	1.3%	0.5	(0.2)	(0.0)	1.5	0.4	-15.7%	-56.3%	76.2%	-7.4%	83.3%	66.0%
Đồ uống	-11.4%	-8.8%	7.4%	0.0%	0.2%	(2.6)	0.8	0.7	1.6	2.3	-23.2%	-1.8%	0.0%	5.3%	5.3%	4.0%
Đường	17.3%	4.4%	10.5%	20.0%	5.3%	0.9	2.5	2.2	(2.3)	0.4	28.8%	42.8%	44.7%	14.7%	1.3%	-43.2%
Dược phẩm	-12.2%	-3.7%	-5.9%	1.1%	-3.9%	0.2	(0.9)	(0.9)	(2.3)	(1.2)	-8.2%	2.0%	-17.2%	-14.7%	-0.9%	-0.3%
Sữa	-2.1%	3.9%	1.2%	9.6%	1.9%	1.1	2.2	2.0	1.7	(0.7)	10.9%	24.2%	14.1%	20.8%	-3.3%	3.9%
Hàng cá nhân	-6.3%	16.3%	26.0%	36.9%	3.1%	0.3	1.0	(1.8)	(1.1)	(0.6)	4.2%	35.5%	2.3%	18.6%	-14.3%	7.4%
Xây dựng	-4.6%	-0.1%	24.5%	21.0%	6.8%	(1.7)	3.0	0.2	1.4	2.4	-32.4%	614.0%	180.3%	171.7%	90.4%	173.3%
Vật liệu xây dựng	-23.8%	-18.8%	-13.0%	-0.3%	5.5%	1.0	(1.3)	(1.5)	(0.5)	0.7	12.6%	-53.0%	-49.0%	-25.9%	40.8%	2.8%
Thép	-14.6%	12.4%	2.0%	26.7%	14.9%	7.5	10.4	3.0	2.0	(0.2)	142.4%	149.3%	518.2%	671.4%	21.8%	71.8%
Bất động sản KCN	-18.2%	30.9%	4.1%	-6.8%	14.3%	1.9	10.2	0.3	(3.0)	0.6	-46.2%	163.8%	-0.2%	-10.7%	40.4%	14.6%
Bất động sản dân cư	16.1%	-56.3%	-52.6%	-10.9%	0.5%	3.2	7.6	(4.7)	(21.2)	(7.4)	-29.4%	-50.5%	-88.9%	-46.8%	4.8%	14.2%
BDS bán lẻ	44.2%	14.3%	67.8%	31.8%	-28.8%	(12.6)	8.8	27.4	14.5	0.3	8.1%	47.2%	35.9%	15.2%	-11.9%	17.6%
Phân bón	-9.4%	-6.4%	4.8%	9.1%	-11.0%	(14.4)	(11.1)	1.9	4.5	1.8	-101.0%	7.8%	91.1%	888.9%	1750.9%	-24.7%
Cao su	5.3%	7.2%	19.7%	12.6%	29.6%	(7.0)	1.9	7.4	3.3	13.3	12.9%	62.1%	41.9%	63.9%	154.0%	-9.8%
May mặc	-11.2%	-4.6%	2.0%	5.1%	16.8%	(1.6)	(0.4)	0.4	2.1	0.9	-54.8%	21.1%	-5.0%	52.8%	112.2%	61.8%
Vận tải thủy	-13.2%	0.6%	28.4%	50.9%	32.6%	(6.0)	(3.5)	0.2	(1.9)	(0.1)	-51.7%	-27.6%	35.9%	16.6%	77.8%	1.2%
Thủy sản	-19.9%	10.0%	19.8%	26.0%	24.3%	(4.4)	(5.0)	3.2	(1.8)	0.8	-75.0%	-72.9%	227.8%	-0.9%	63.4%	133.4%
Logistics	-6.7%	-1.1%	-1.4%	25.1%	15.3%	0.4	(1.1)	2.1	(0.0)	1.4	-10.1%	-0.8%	31.6%	-35.4%	38.2%	-19.7%
Gỗ	-13.3%	-13.5%	0.0%	9.9%	1.3%	1.1	7.2	1.6	2.1	(4.2)	-34.0%	228.5%	65.9%	45.2%	36.2%	48.3%
Hóa chất	-22.0%	-22.4%	-8.8%	-1.8%	-0.5%	(11.1)	(6.2)	(2.2)	0.6	(0.1)	-49.3%	-38.2%	-18.9%	-3.4%	-4.8%	-4.8%
Nước	6.7%	7.2%	11.5%	9.2%	4.8%	(0.2)	(1.0)	1.6	0.8	(1.6)	3.1%	-13.7%	7.9%	-3.3%	0.6%	-11.0%
Khai thác dầu khí	18.9%	24.9%	7.2%	27.6%	23.7%	0.8	(0.3)	4.1	0.6	2.9	110.8%	29.5%	73.3%	-10.0%	23.0%	-31.8%
Sản xuất dầu khí	-4.6%	3.7%	-9.9%	-27.5%	-15.4%	8.3	1.7	(1.6)	(1.6)	(14.8)	611.2%	51.8%	-31.2%	-42.1%	-137.4%	-86.6%
Điện	-16.0%	-8.8%	-7.2%	1.8%	-4.0%	(3.3)	(3.8)	(6.0)	(2.8)	(0.9)	-55.4%	-32.2%	-68.6%	-48.3%	87.1%	-28.4%

Chỉ số tài chính của 15 Ngân hàng niêm yết

STT	Mã CK	P/B		Biến động giá		Lợi nhuận sau thuế			ROE		NIM		Tín dụng Q3-2024		Tỷ lệ Nợ xấu		CP tín dụng
		TTM	TB 5 năm	3 tháng	1 năm	Q3-2024	YoY	QoQ	Q3-2024	Q3-2024	YoY	QoQ	YoY	QoQ	Q3-2024	Q2-2024	Q3-2024
		x	x	%	%	Tỷ VND	%	%	%	%	bps	bps	%	%	%	%	%
1	BID	2.0	2.2	3%	24%	5,213.9	10.3%	-20.2%	19.3%	2.2%	(4.0)	(1.9)	17.9%	3.7%	1.7%	1.5%	1.0%
2	CTG	1.3	1.4	16%	31%	5,192.5	33.3%	-4.0%	17.8%	2.8%	(0.0)	(0.6)	15.8%	2.2%	1.4%	1.6%	2.4%
3	VCB	2.7	3.3	6%	7%	8,572.5	17.8%	5.5%	21.1%	2.8%	(0.8)	(0.9)	17.6%	2.3%	1.2%	1.2%	0.1%
4	MBB	1.2	1.4	7%	37%	5,843.4	0.4%	-4.2%	22.8%	4.2%	(8.4)	(2.2)	27.7%	3.7%	2.2%	1.6%	1.0%
5	TCB	1.1	1.3	6%	53%	5,793.0	24.1%	-7.6%	18.5%	4.1%	(0.3)	(4.5)	25.9%	4.1%	1.3%	1.2%	0.8%
6	VPB	1.1	1.6	7%	3%	4,164.3	71.5%	14.6%	10.0%	5.8%	9.8	(1.9)	16.6%	1.0%	4.8%	5.1%	4.1%
7	ACB	1.4	1.6	7%	32%	3,870.4	-4.1%	-13.4%	24.1%	3.6%	(3.2)	(1.6)	23.4%	0.9%	1.5%	1.5%	0.3%
8	STB	1.2	1.2	31%	14%	2,201.2	34.7%	1.1%	19.3%	3.6%	5.4	1.7	14.5%	4.6%	2.5%	2.4%	1.0%
9	SHB	0.7	1.1	2%	-2%	1,739.9	-15.5%	-23.5%	15.3%	2.0%	(12.2)	(6.4)	15.1%	4.2%	3.1%	2.8%	0.5%
10	HDB	1.5	1.5	7%	43%	3,545.6	41.0%	9.0%	28.5%	5.4%	10.4	(1.1)	37.7%	3.2%	1.9%	2.1%	1.2%
11	LPB	2.0	1.2	19%	107%	2,330.8	134.8%	-3.8%	26.2%	3.4%	3.8	0.3	21.3%	0.7%	2.0%	1.7%	0.8%
12	VIB	1.4	1.9	6%	20%	1,599.2	-25.5%	-5.0%	20.2%	3.7%	(9.2)	(0.2)	21.0%	6.7%	3.9%	3.7%	1.6%
13	TPB	1.2	1.5	19%	17%	1,383.0	9.5%	-9.2%	15.1%	3.5%	(2.7)	(3.6)	26.0%	9.3%	2.3%	2.1%	1.5%
14	SSB	1.4	2.5	-13%	-21%	1,012.0	11.4%	-26.8%	14.8%	4.0%	12.2	(0.9)	16.4%	5.7%	1.9%	1.9%	1.7%
15	MSB	0.9	1.2	15%	16%	978.5	-26.2%	-43.4%	13.7%	3.3%	(8.8)	(0.2)	20.1%	2.5%	2.9%	3.1%	1.4%
	Ngành	1.5	1.8	7.9%	19.2%	56,053	17.6%	-8.0%	18.0%	3.3%	(0.2)	(1.7)	19.6%	3.3%	2.2%	2.2%	1.2%

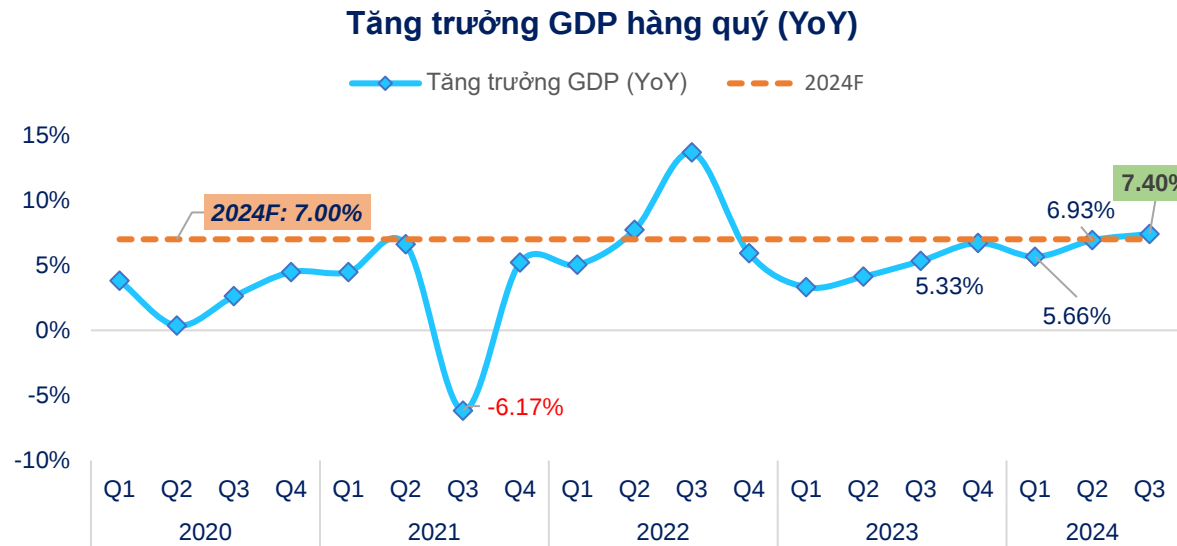
PHỤ LỤC 2: CẬP NHẬT VĨ MÔ



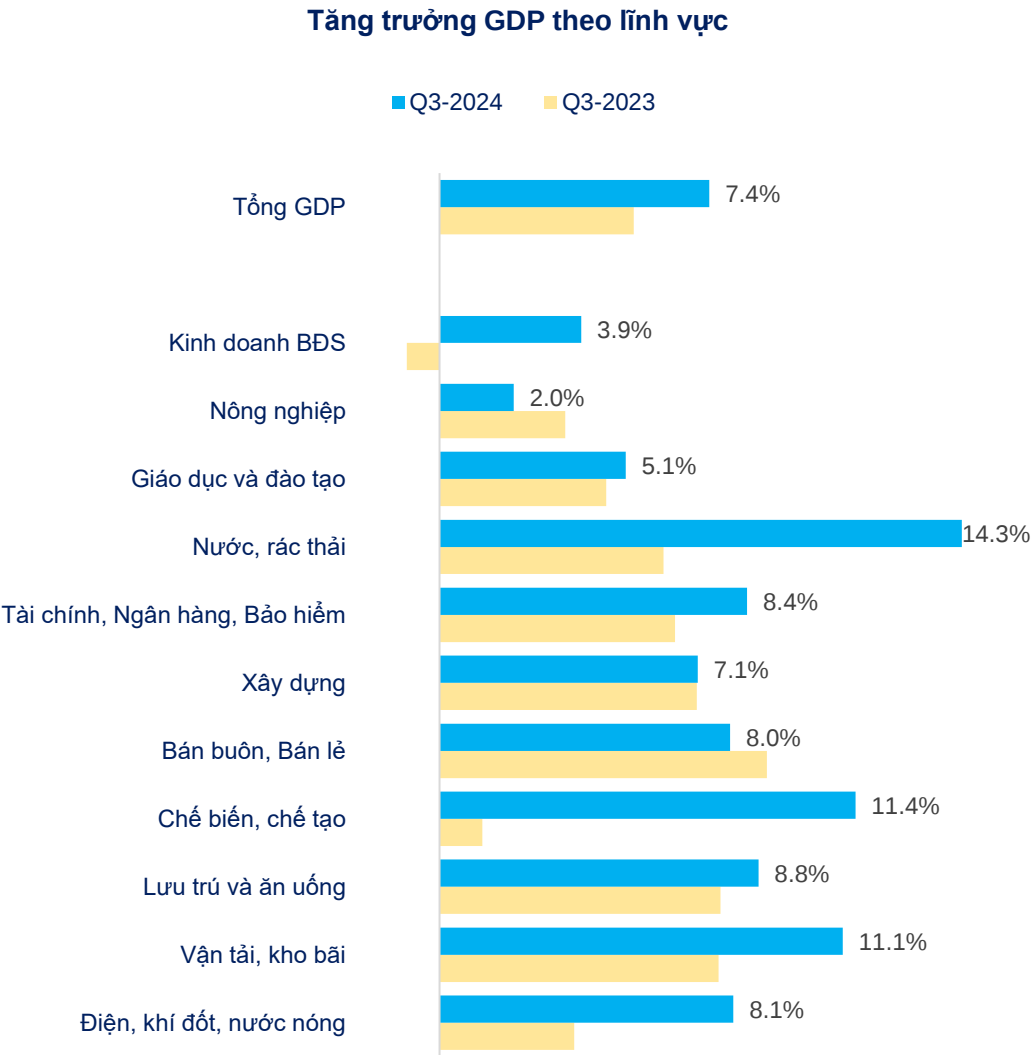
 FiinTrade Một số chỉ tiêu Kinh tế - Xã hội						
Chỉ tiêu	2023		2024		2025	2026 - 2030
	Sơ bộ	KH	Ước tính		KH	KH
 Tốc độ tăng GDP	5,05%	7,0%	6,8-7,0%		6,5-7,0%	7,8-8,5%
 GDP bình quân đầu người (USD)	4.284	4.700-4.730	4.647		4.900	7.400-7.600
 Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP	23,6%	24,1-24,2%	24,1%		24,1%	28-30%
 Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI)	3,25%	4-4,5%	<4,5%		4,5%	-
 Bội chi ngân sách	4,0%	3,6%	3,4%		3,8%	≤5%
 Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân	3,65%	4,8-5,3%	5,56%		5,3-5,4%	6,5-7,5%
 Tỷ trọng lao động nông nghiệp/tổng lao động	26,94%	26,5%	26,5%		25-26%	-
 Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị	2,66%	< 4%	< 4%		< 4%	-

Nguồn: GSO, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, NQ về Kế hoạch phát triển KT - XH năm 2025

GDP tăng 7,4% đạt mức cao nhất theo quý trong 8 quý gần đây (tính từ Q4-2022)



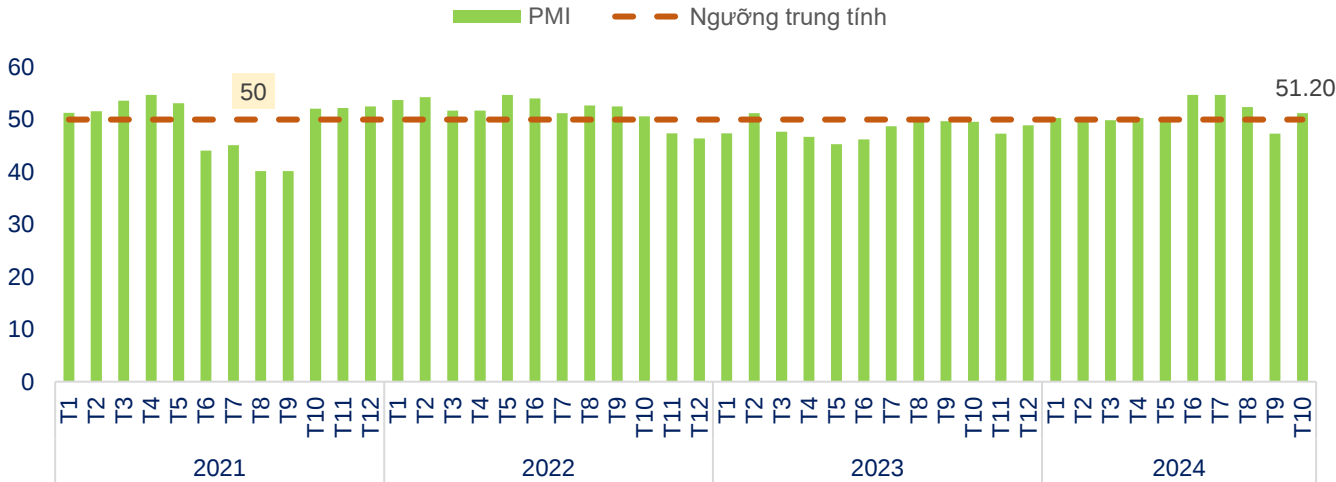
STT	Tổ chức	Dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam (2024)	
		Thấp %	Cao %
1	Quốc hội	6.5	7.0
2	HSBC		6.3
3	ADB		6.0
4	UN		6.0
5	AMRO		6.0
6	UOB		6.0
7	Standard Chartered		6.0
8	World Bank		5.5
9	Dragon Capital	6.0	6.5
10	VinaCapital		6.5
11	VDSC		6.5
12	VietCapital	6.5	6.5
13	TPS	6.2	6.5
14	VCBS	6.0	6.5
15	VNDirect		6.3
16	MSB	5.9	6.0
17	BVSC		6.0
18	FPTS	5.5	6.0
Trung bình		6.1	6.2
Trung vị		6.0	6.2



Nguồn: FiinPro-X Platform

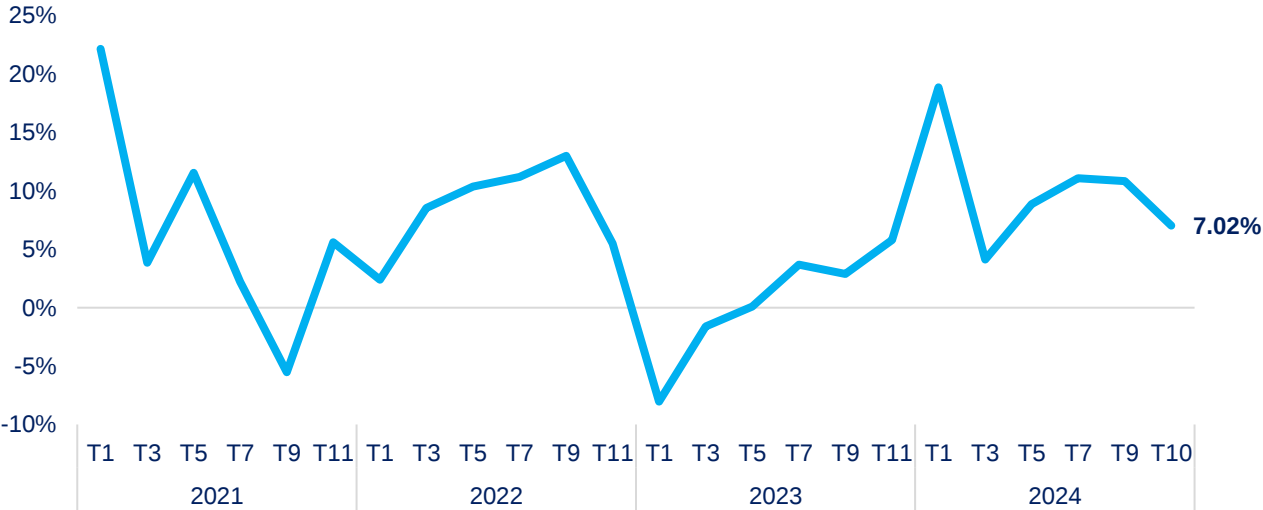
Hoạt động chế biến, chế tạo tăng chậm

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng PMI của Việt Nam)

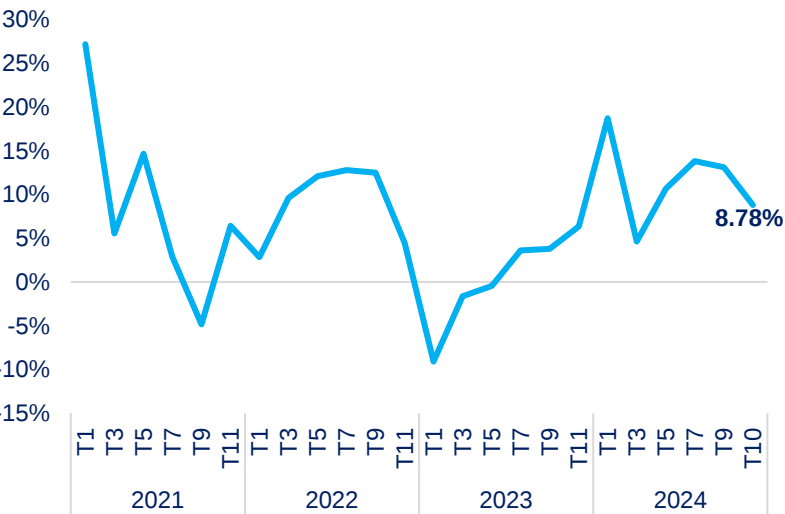


Nguồn: FiinPro-X Platform

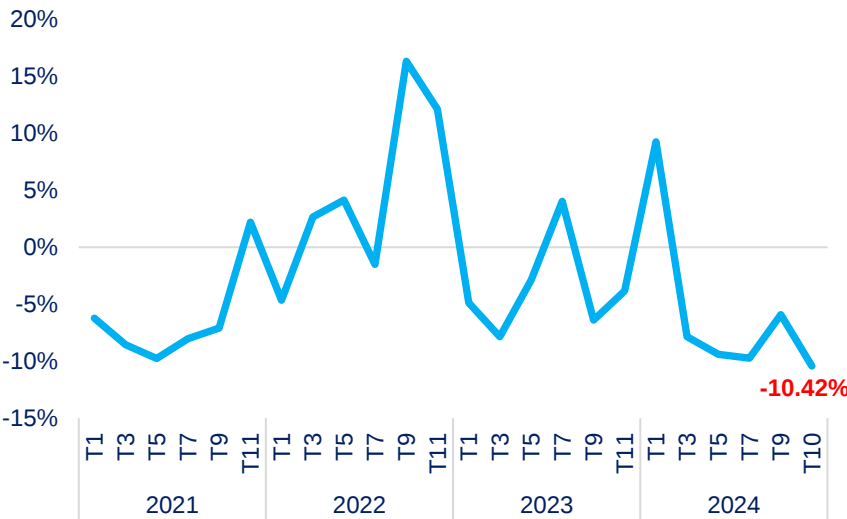
Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP hàng tháng (YoY)



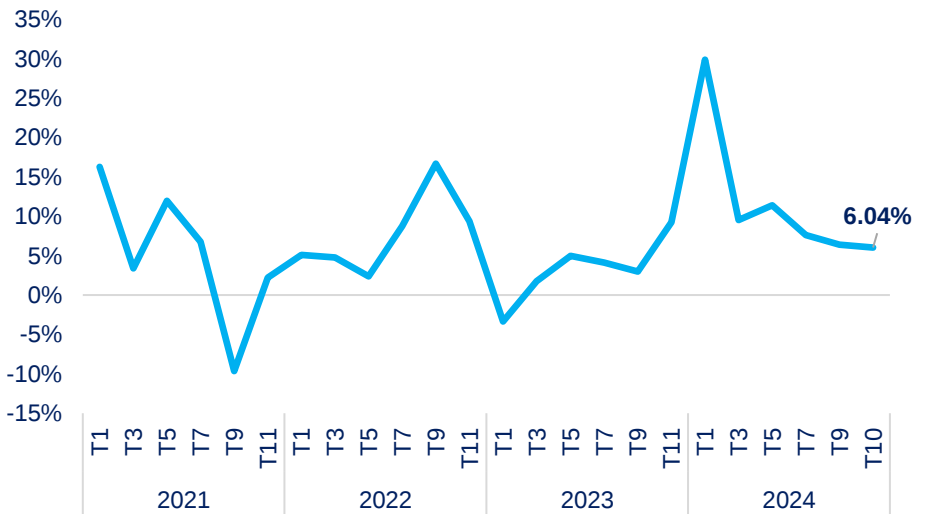
IIP - Chế biến, chế tạo (YoY)



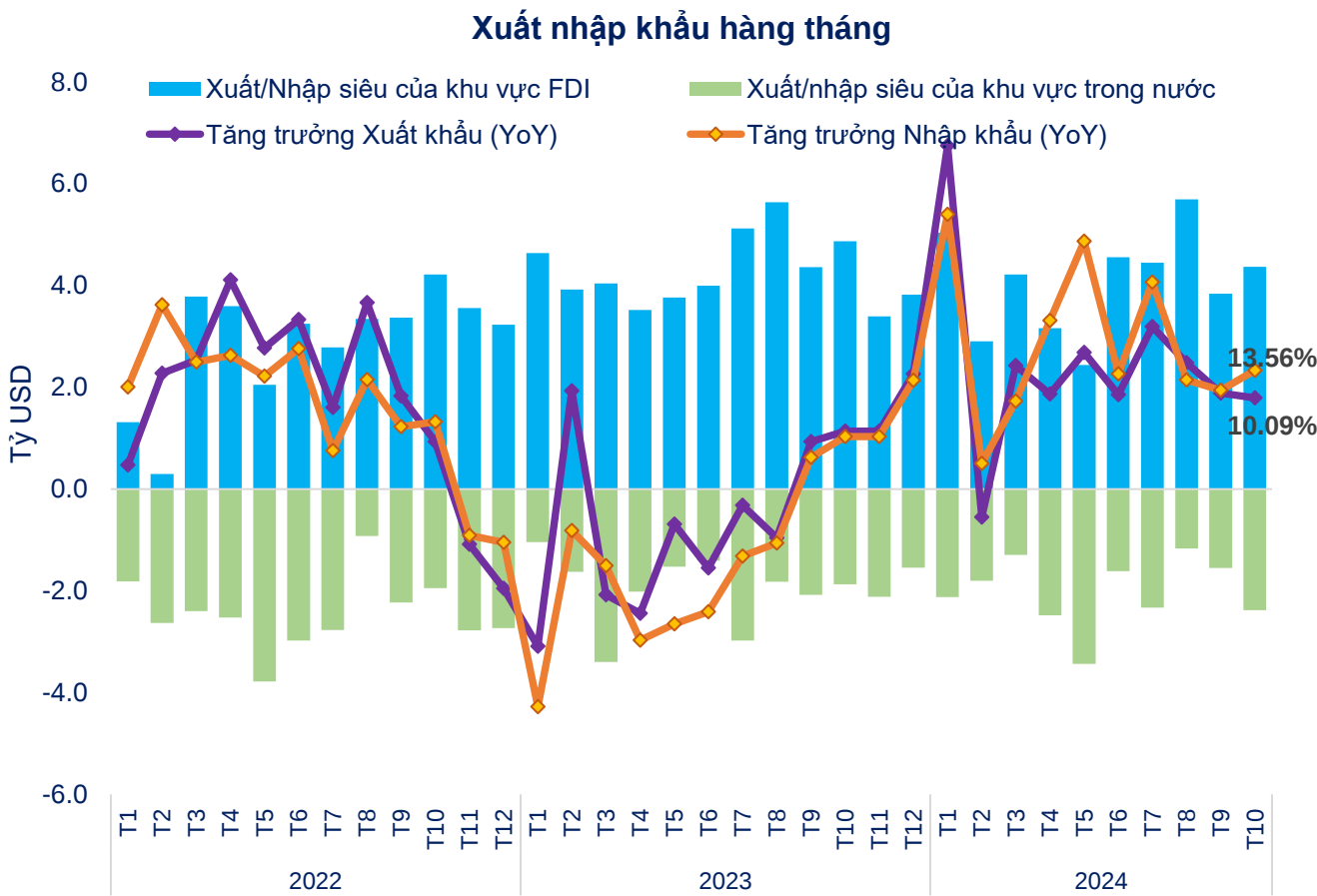
IIP - Khai khoáng (YoY)



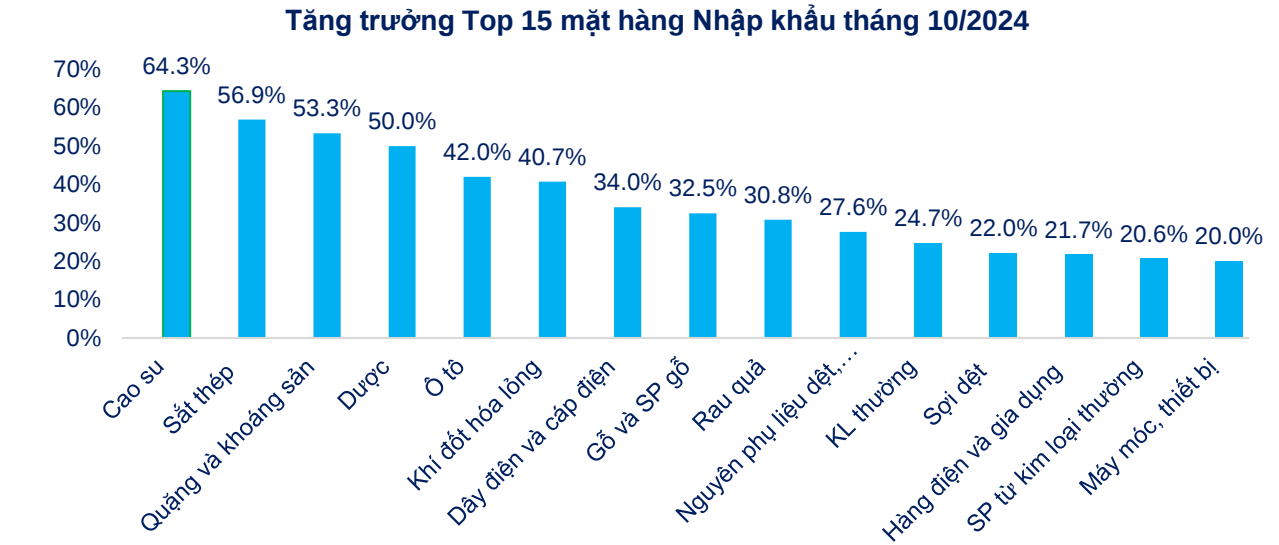
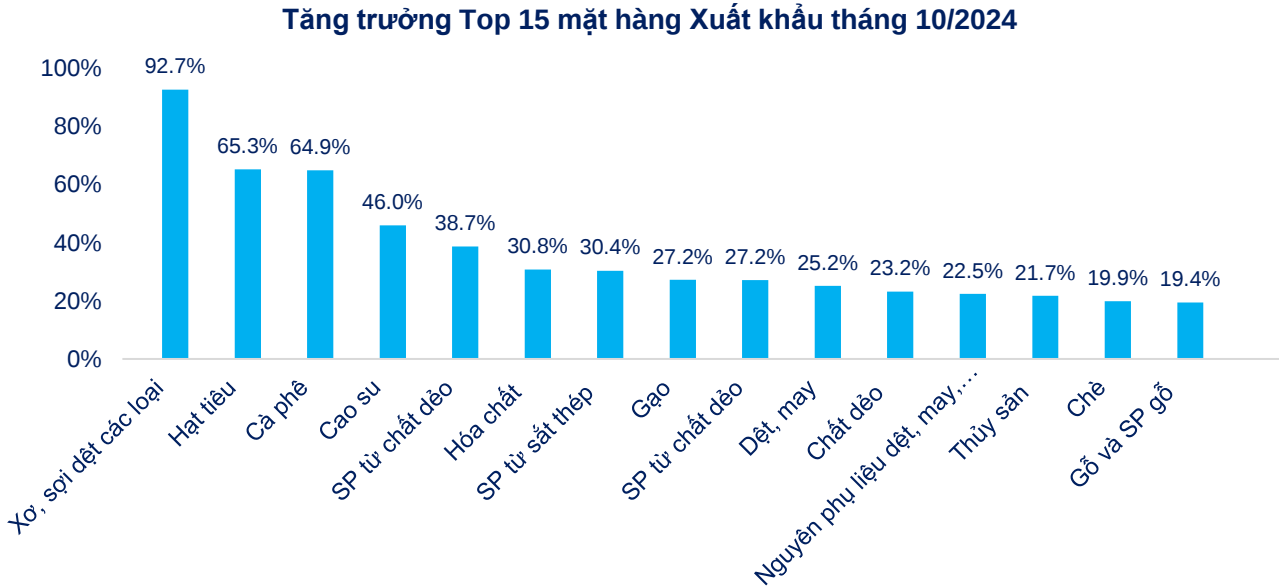
IIP - Ngành Điện (YoY)



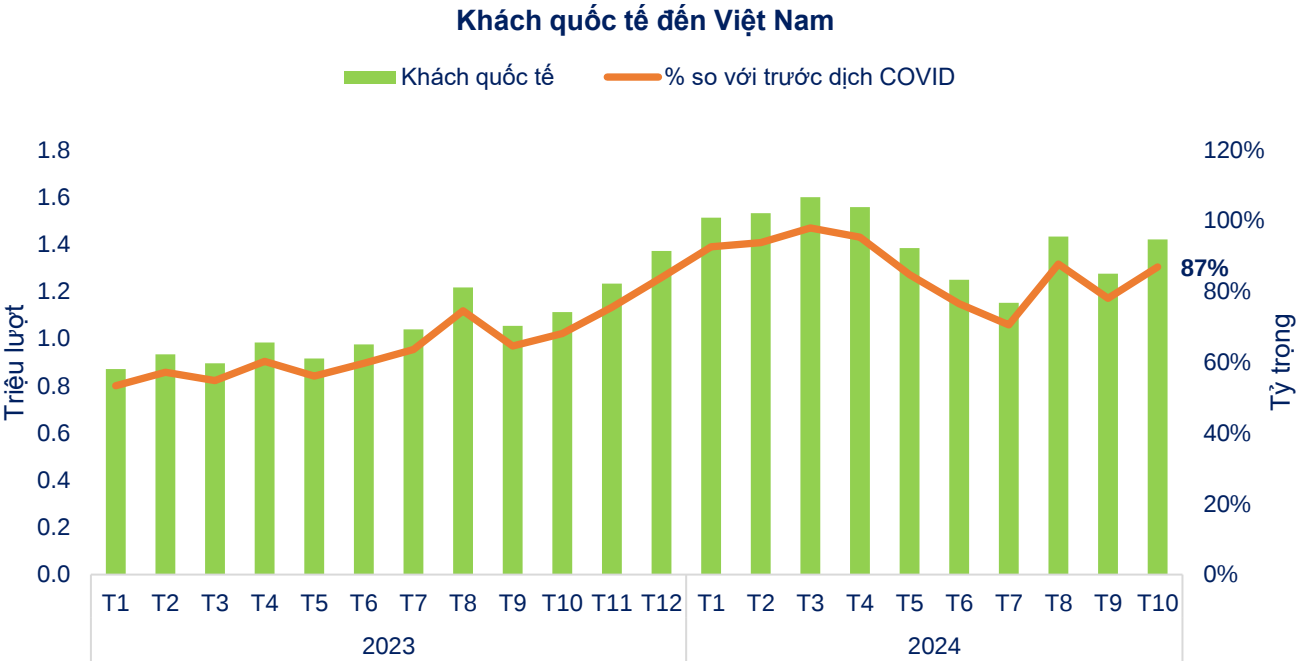
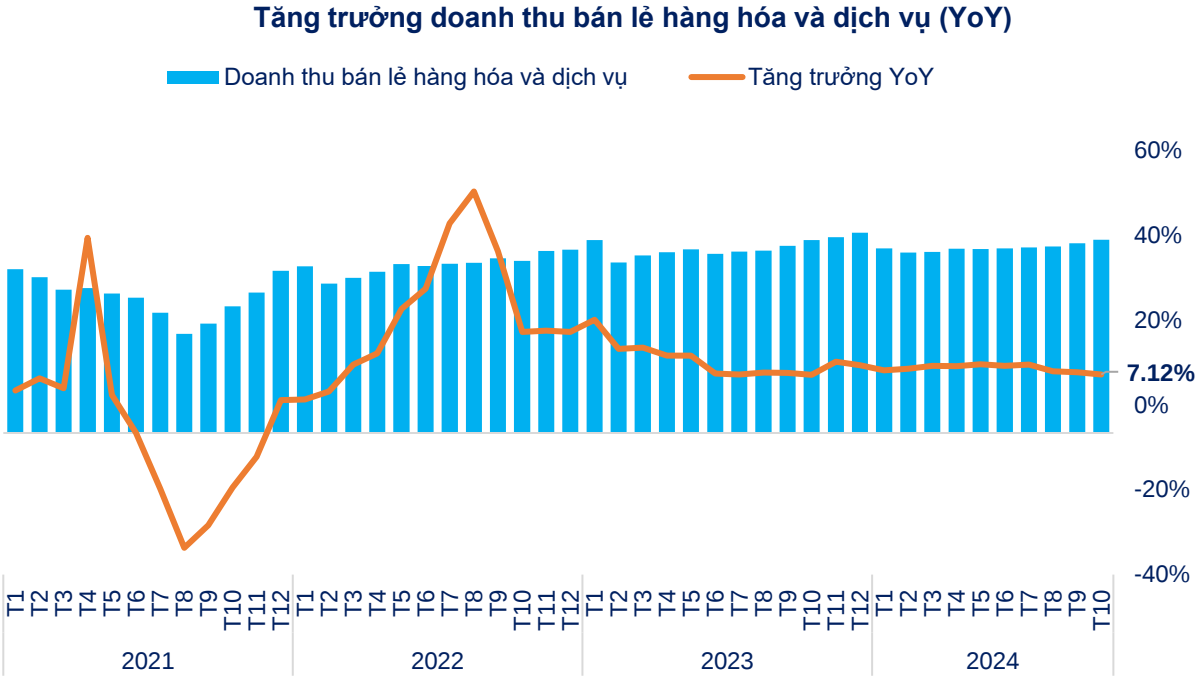
Xuất và nhập khẩu duy trì đà tăng ổn định trong tháng 10



Nguồn: FiinPro-X Platform



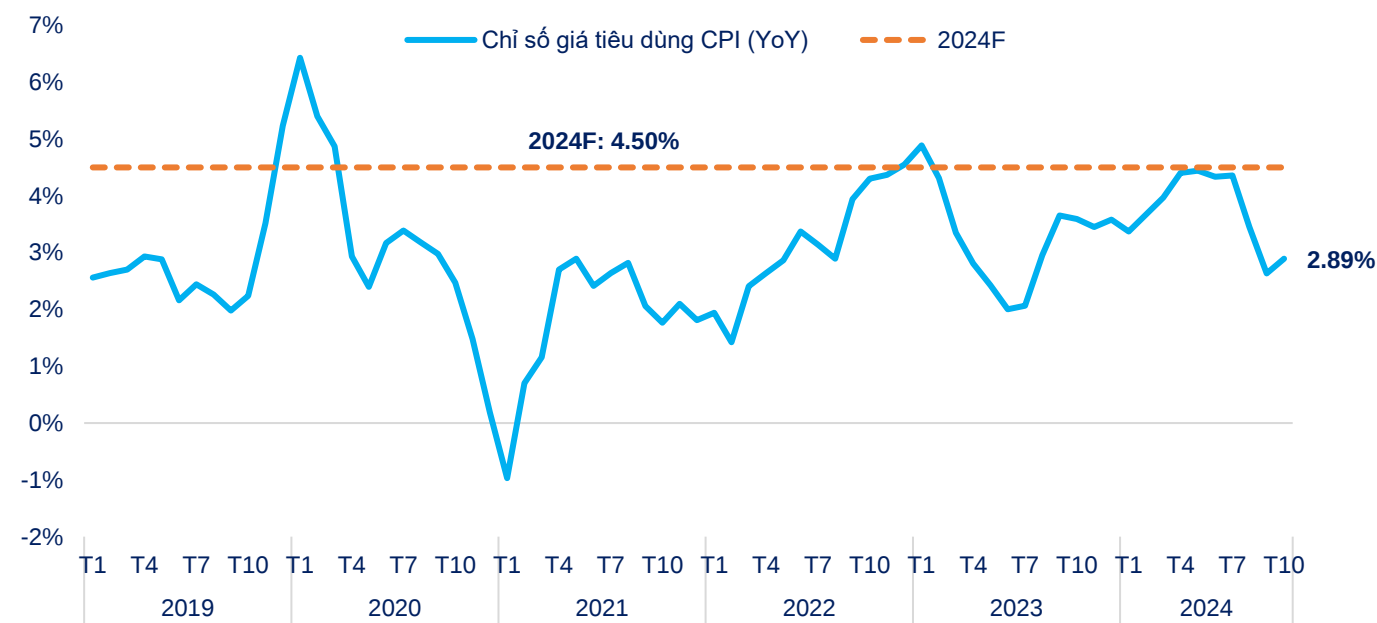
Tiêu dùng tiếp tục duy trì mức thấp



Nguồn: FiinPro-X Platform

CPI tăng trở lại nhưng áp lực lạm phát chưa đáng ngại

Chỉ số giá tiêu dùng

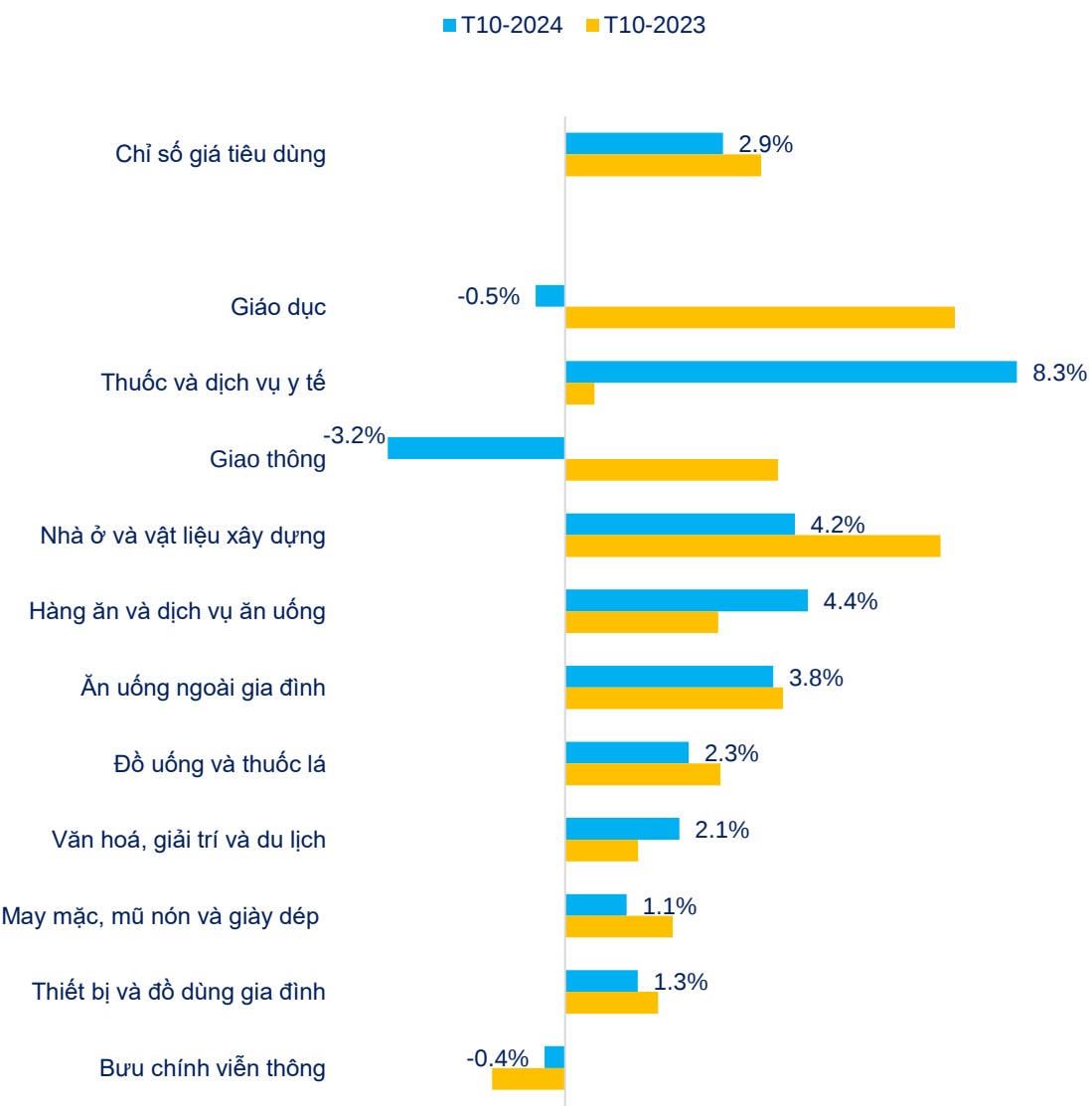


Dự báo lạm phát bình quân trong năm 2024

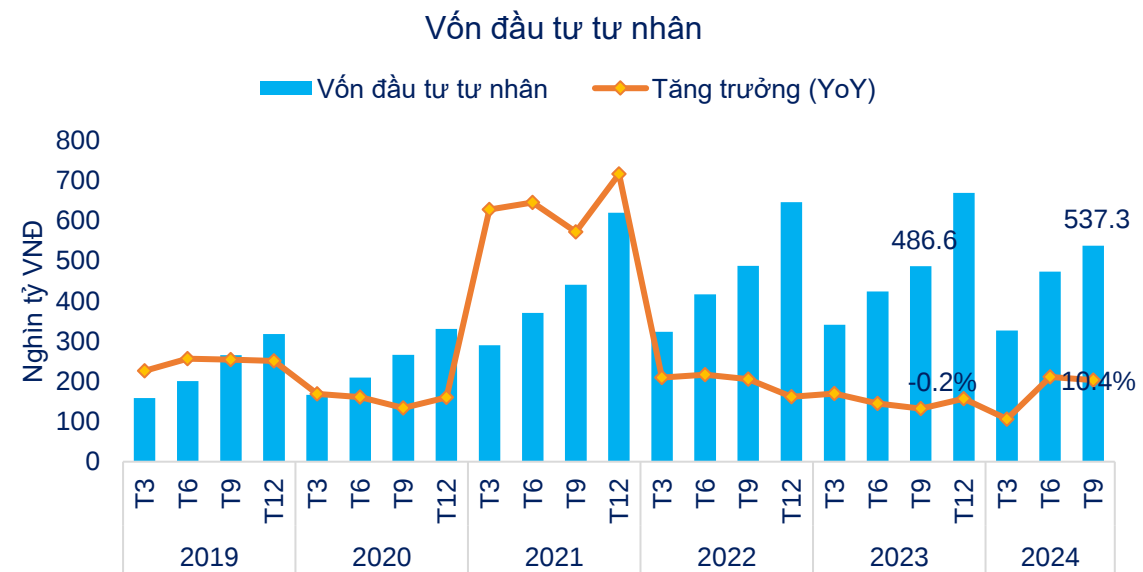
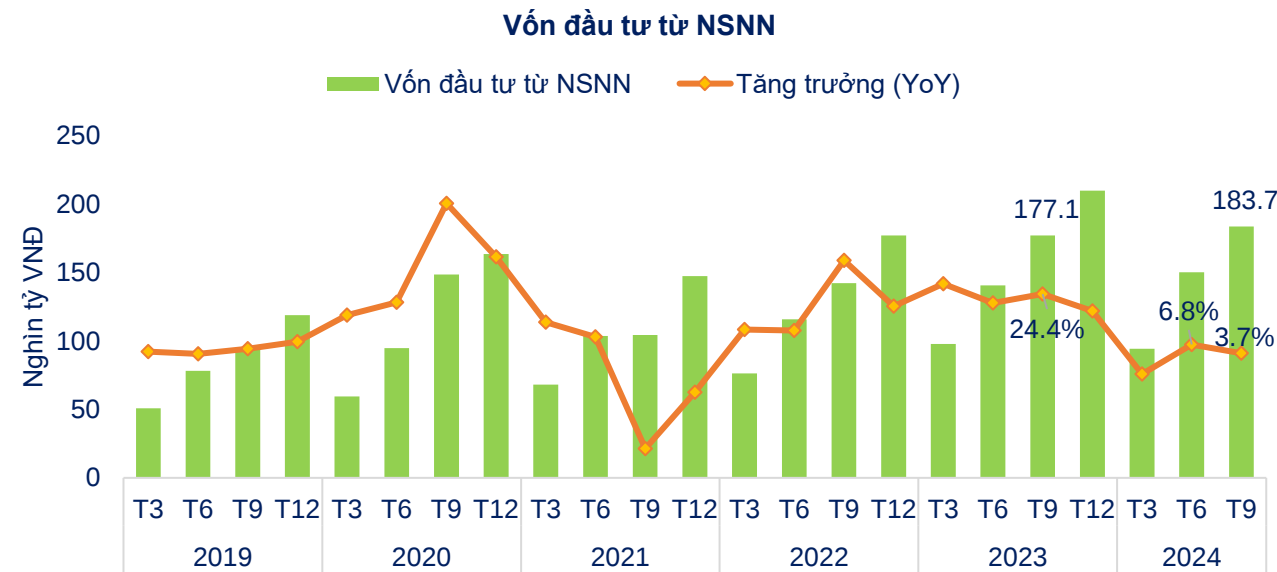
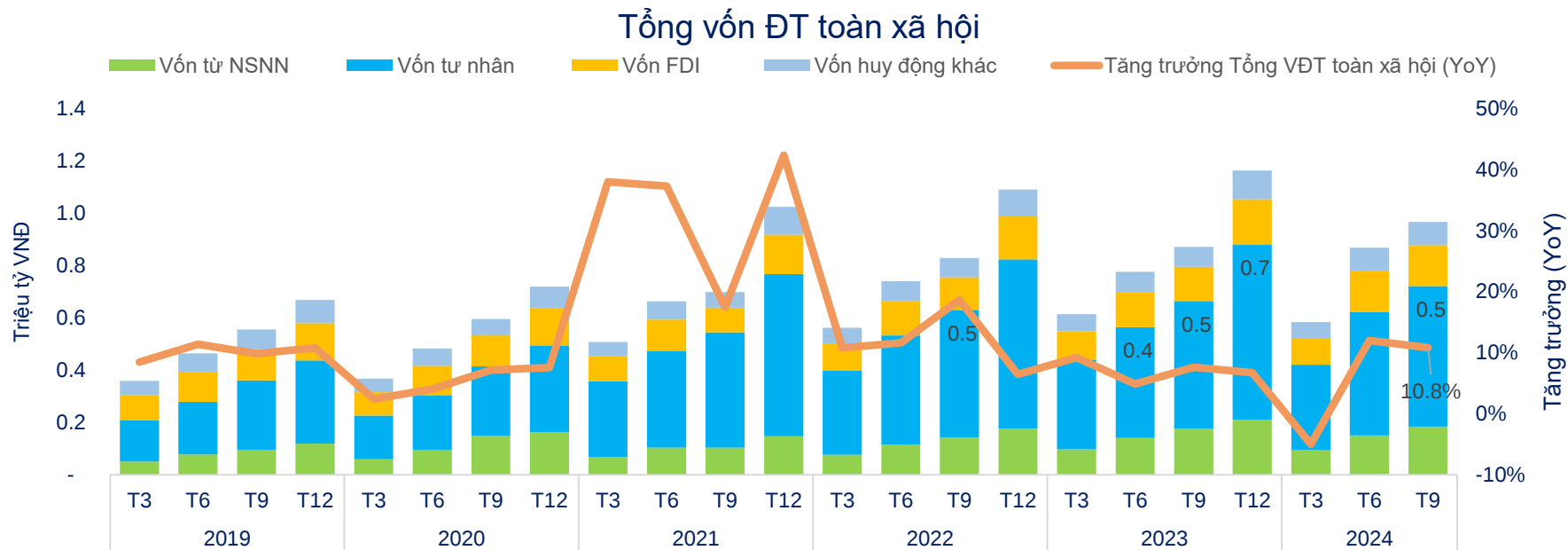
Tổ chức	Dự báo Lạm phát bình quân (2024)	
	Thấp	Cao
	%	%
Quốc hội	4.0	4.5
TPS		4.5
VCBS	3.8	4.2
VietCapital		3.8
MSB	3.5	3.6
VDSC		3.5
VNDirect	3.1	3.5
KBS		3.5
Trung bình	3.5	3.8
Trung vị	3.5	3.6

Nguồn: Báo cáo chiến lược 2024 của các CTCK

Chỉ số giá theo nhóm mặt hàng, dịch vụ

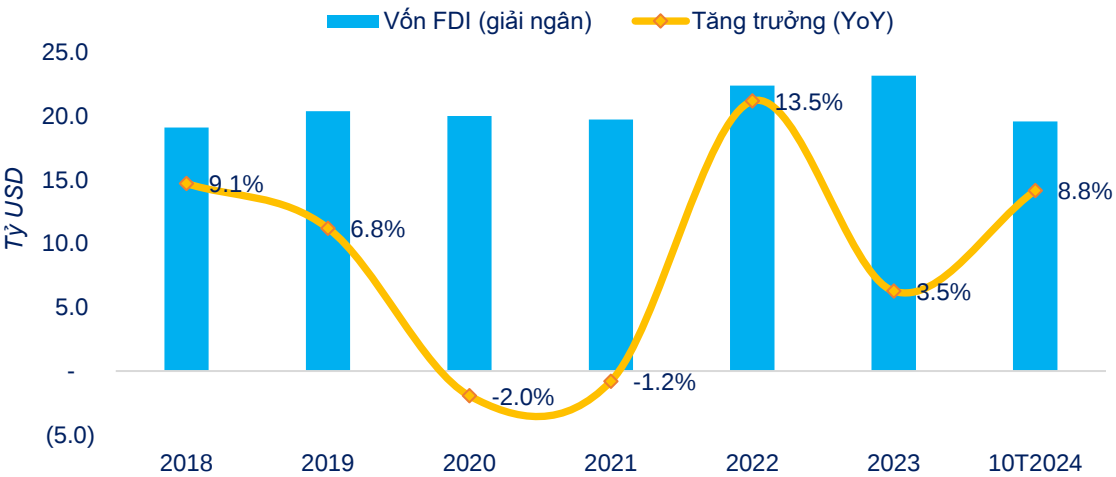


Đầu tư công và Đầu tư tư nhân tăng nhẹ so với cùng kỳ

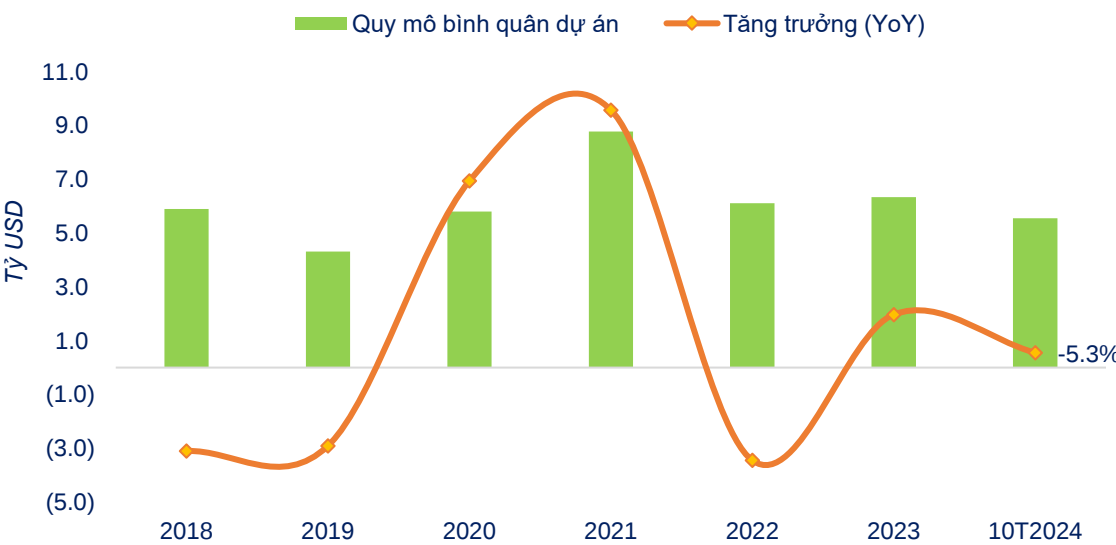


Đăng kí và giải ngân FDI cùng giảm mạnh

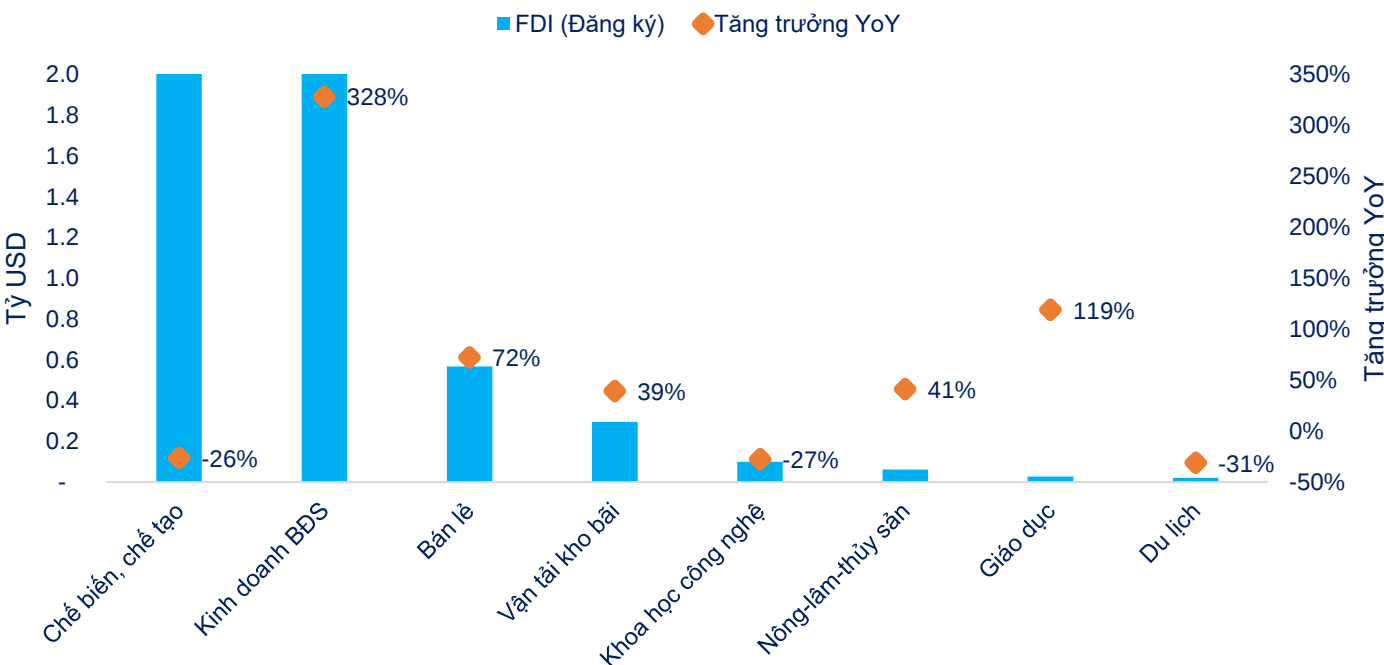
Giải ngân vốn FDI vào Việt Nam



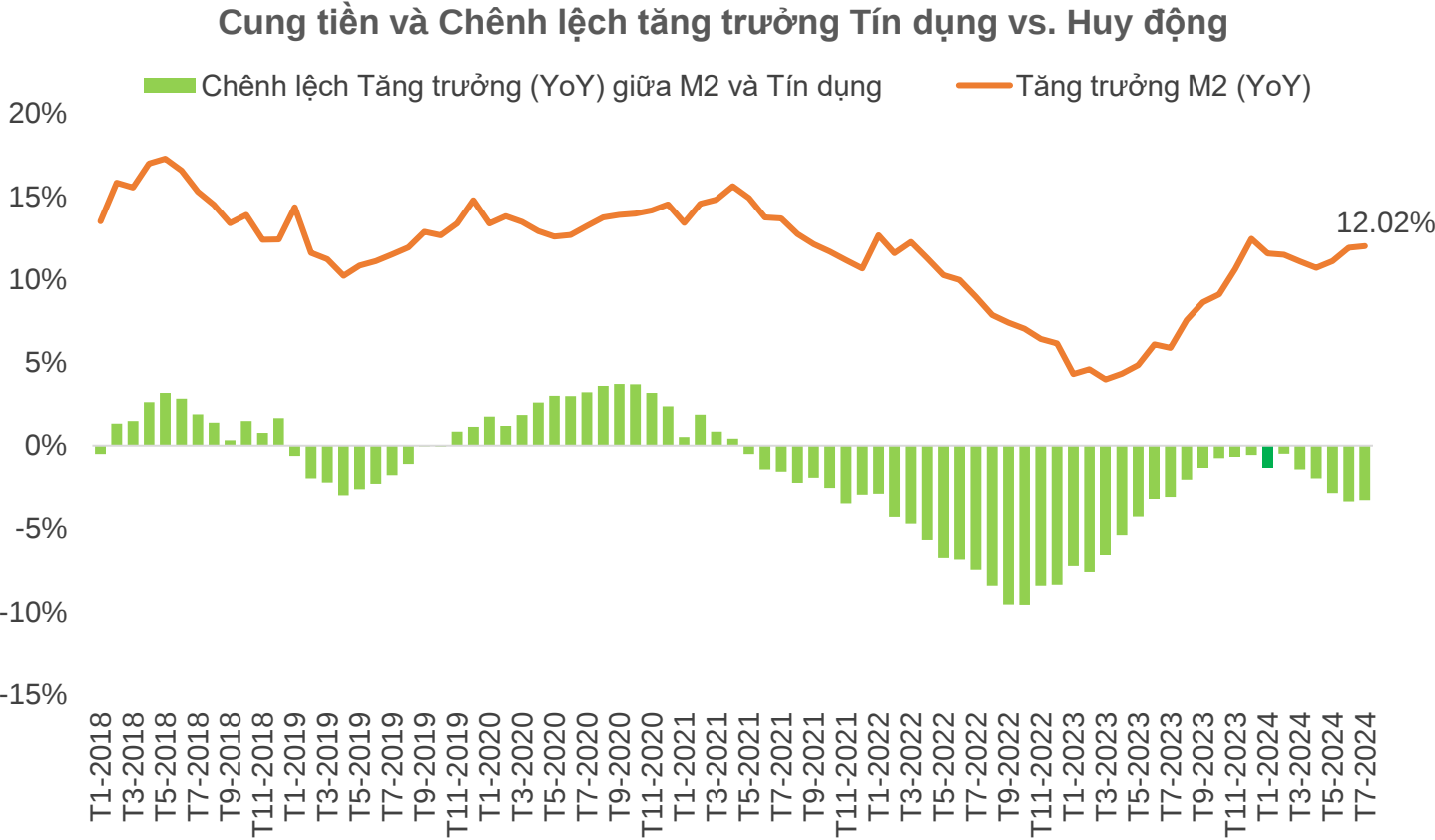
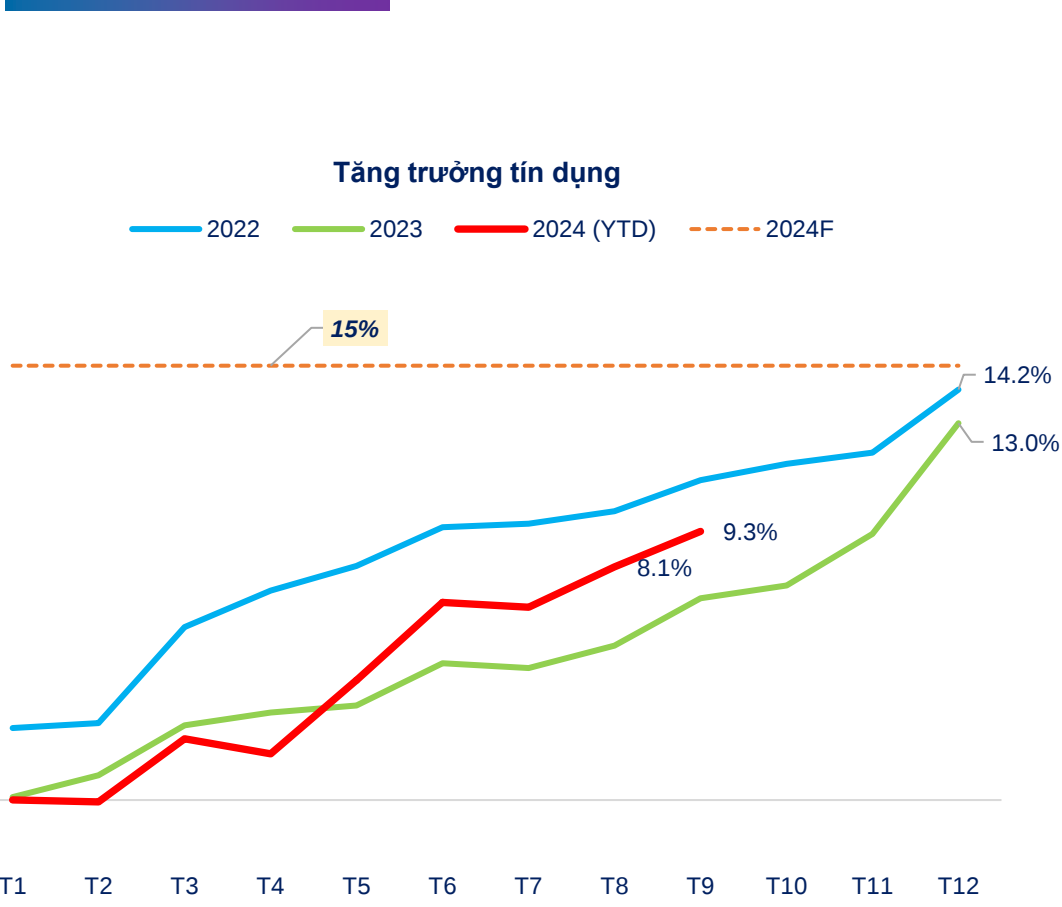
Quy mô bình quân dự án FDI



Phân bổ vốn FDI theo lĩnh vực trong 10T2024

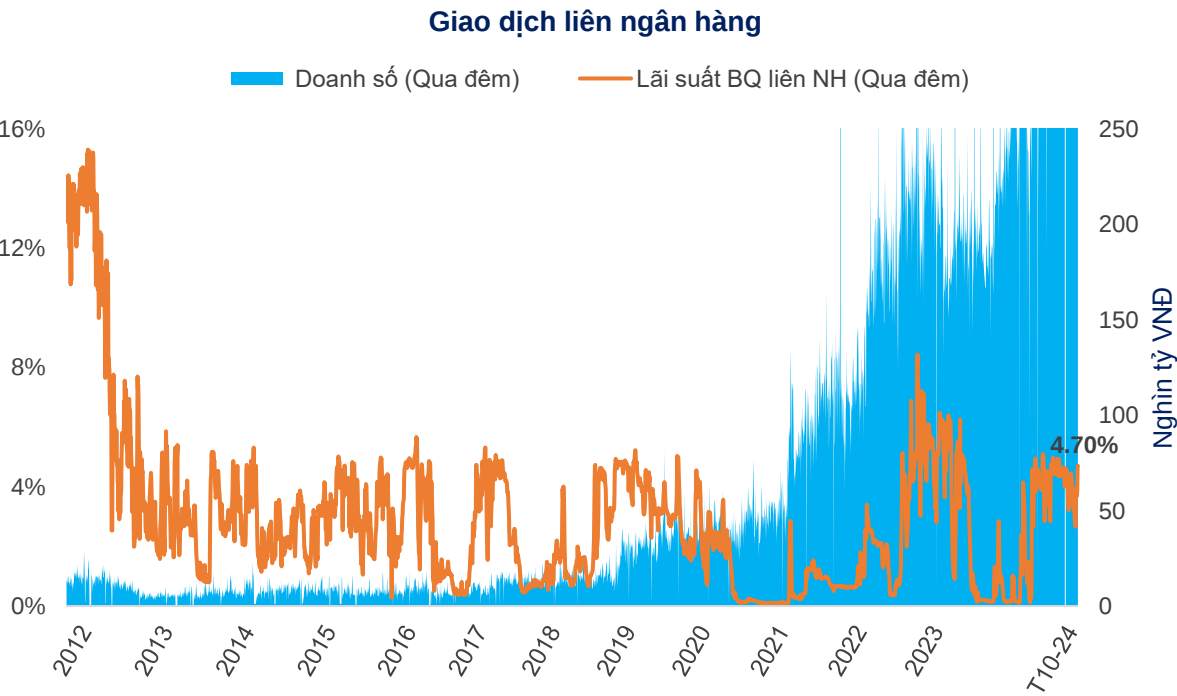


Huy động tiếp tục tăng thấp hơn tín dụng

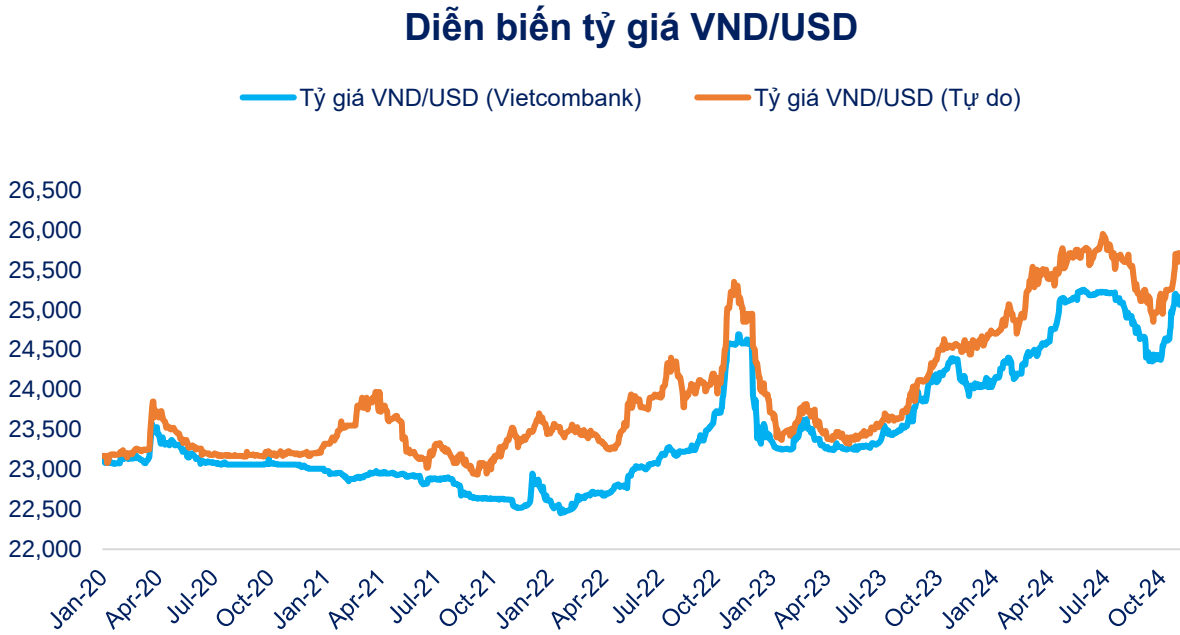


Nguồn: FiinPro-X Platform

Lãi suất liên ngân hàng duy trì ở mức cao, tỷ giá VND/USD hạ nhiệt



Nguồn: FiinPro-X Platform



Phương pháp luận và Lưu ý quan trọng

Báo cáo này cần được đọc và hiểu với các thông tin cơ sở và các khái niệm quan trọng sau đây!

Thời gian cập nhật dữ liệu:

- Toàn bộ số liệu phục vụ cho báo cáo này được cập nhật đến hết ngày **11/11/2024**. Dữ liệu của chúng tôi ở FiinGroup được cập nhật và tính toán liên tục hoặc hàng ngày.

Độ bao phủ dữ liệu :

- Dữ liệu của chúng tôi bao phủ 1143/1652 công ty niêm yết, trong đó có **27/27** ngân hàng và 1060/1558 doanh nghiệp thuộc nhóm Phi tài chính (không bao gồm Bảo hiểm và Dịch vụ tài chính).
- Tổng giá trị vốn hóa của các ngân hàng và doanh nghiệp này tại ngày **11/11/2024** đạt khoảng 6.920,3 nghìn tỷ đồng, tương đương 276,8 tỷ USD, chiếm khoảng 99,1% tổng vốn hóa của ba sàn HOSE, HNX và UPCoM.

Tính đại diện của dữ liệu được phân tích:

- Tổng doanh thu của riêng khối doanh nghiệp Phi tài chính đạt 1.064 nghìn tỷ đồng cho **Q3-2024**, tương đương 37,3% GDP (theo giá so sánh 2010) của Việt Nam trong cùng quý.
- Mặc dù chưa bao phủ hết dữ liệu của các doanh nghiệp tư nhân và nhiều công ty đại chúng chưa niêm yết, chúng tôi cho rằng đây là một mẫu dữ liệu đủ lớn để có các đánh giá và phân tích và chỉ ra các ngụ ý cho việc đánh giá sức khỏe của khối doanh nghiệp và từ đó có những quyết sách cần thiết phục vụ các quyết định của quý khách hàng bao gồm việc đầu tư chứng khoán, quản lý quỹ, định hướng cho vay hay bất cứ quyết định nào quan trọng về tài chính cho năm 2024 và các năm tới đây.

Phân tách Khối Doanh nghiệp Phi tài chính và Ngân hàng

- Chúng tôi phân tách hai khối này nhằm có đánh giá chính xác hơn do bản chất mô hình kinh doanh của hai nhóm ngành này.
- Theo đó chúng tôi định nghĩa khối Ngân hàng gồm 27 ngân hàng đang niêm yết trên 3 sàn. Khối Phi tài chính gồm các doanh nghiệp đang niêm yết trên 3 sàn thuộc 16/19 ngành theo chuẩn phân ngành ICB (cấp 2), không bao gồm Bảo hiểm và Dịch vụ Tài chính.

Cách tính EBIT và EBITDA:

- EBIT = Lợi nhuận trước Thuế và Lãi vay còn EBITDA = Lợi nhuận trước Khấu hao, Thuế và Lãi vay. Tuy nhiên, hiện có nhiều cách tính trong giới phân tích ở Việt Nam. Riêng ở FiinGroup, chúng tôi lựa chọn công thức như sau:
 - EBIT = Lợi nhuận gộp – Chi phí bán hàng – Chi phí quản lý.
 - EBITDA = EBIT + Khấu hao

Các ký hiệu thống kê cơ bản:

- YoY = so sánh kỳ này so với cùng kỳ năm trước. Kỳ có thể là Năm, Quý hoặc Tháng.
- QoQ = so sánh Quý này so với Quý liền kề trước đó.
- MoM = so sánh Tháng này so với Tháng liền kề trước đó.

Điều chỉnh số liệu:

- Nhằm loại bỏ những tác động của việc hợp nhất báo cáo tài chính giữa các công ty trong việc tính tăng trưởng (Doanh thu, Lợi nhuận, EBIT, EBITDA), chúng tôi thực hiện điều chỉnh bằng cách loại ra những công ty con khỏi bộ dữ liệu nếu chúng cũng được niêm yết và đã hợp nhất BCTC vào công ty mẹ. Những nhóm cổ phiếu sau, khi tính tăng trưởng ngành hoặc toàn thị trường, chúng tôi chỉ tính số liệu của công ty mẹ, ví dụ một số mã lớn như:
 - VIC: VHM, VRE, VEF, VNB
 - FLC: AMD, ART, HAI, KLF, ROS
 - KDC: KDF, TAC, VOC
 - MSN: MSR, MCH, MML
 - FPT: FRT (trước 2017)
 - SAB: WSB, BSD, BSH
 - Và nhiều mã khác
- Áp dụng tương tự đối với tính tăng trưởng ngành, nếu hai cổ phiếu của công ty mẹ và công ty con cùng nằm trong một ngành thì loại bỏ công ty con và chỉ tính tăng trưởng dựa trên số liệu của công ty mẹ.



Tìm đọc các ấn bản FiinPro Digest trước đây

Chuỗi báo cáo FiinPro Digest được chúng tôi thực hiện từ đầu năm 2020 khi Covid-19 bắt đầu xuất hiện với mong muốn cập nhật những thông tin chiều sâu, kịp thời tới quý khách hàng và cộng đồng nhà đầu tư. Ấn bản này được sử dụng rộng rãi trong giới đầu tư chứng khoán, tài chính, ngân hàng và cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài nước có quan tâm đến Việt Nam.

Số báo cáo	Tiêu đề	Ngày phát hành	Link
Data Digest #1	TTCKVN: Nhìn lại 2019 và Triển vọng 2020 từ Góc nhìn Phân tích Số liệu	10 tháng 1 năm 2020	Tải về
Data Digest #2	Đánh giá Chất lượng Lợi nhuận Doanh nghiệp 2019 và Triển vọng 2020	12 tháng 2 năm 2020	Tải về
Data Digest #3	Tác động của Covi-19: Đánh giá từ góc nhìn phân tích dữ liệu tài chính doanh nghiệp	29 tháng 5 năm 2020	Tải về
Data Digest #4	Doanh nghiệp sau giai đoạn Covid-19: Triển vọng lợi nhuận năm 2020 và Kết quả 6 tháng năm 2020	14 tháng 7 năm 2020	Tải về
Data Digest #5	Chất lượng Lợi nhuận Doanh nghiệp trong bối cảnh Covid-19	24 tháng 8 năm 2020	Tải về
Data Digest #6	Lợi nhuận Doanh nghiệp trên đà hồi phục ngoại trừ ngành Dầu khí và Du lịch & Giải trí	4 tháng 12 năm 2020	Tải về
Data Digest #7	Lợi nhuận Doanh nghiệp khẳng định chu kỳ tăng trưởng mới	19 tháng 3 năm 2021	Tải về
Data Digest #8	Chứng khoán Việt Nam hiện đắt hay rẻ trong điều kiện bình thường mới?	10 tháng 6 năm 2021	Tải về
Data Digest #9	Chứng khoán Việt Nam: Chiến lược sống chung với COVID!	14 tháng 9 năm 2021	Tải về
Data Digest #10	Lựa chọn cổ phiếu đầu tư 2022	10 tháng 12 năm 2021	Tải về
Data Digest #11	Triển vọng Tăng trưởng Lợi nhuận và Cơ hội Đầu tư 2022	25 tháng 3 năm 2022	Tải về
Data Digest #12	Tiềm năng Lợi nhuận 2022	22 tháng 6 năm 2022	Tải về
Data Digest #13	Cơ hội từ những tín hiệu kém tích cực	19 tháng 8 năm 2022	Tải về
Data Digest #14	Triển vọng thị trường chứng khoán 2023: Chờ đợi sự quay lại của dòng tiền từ nhà đầu tư cá nhân	16 tháng 1 năm 2023	Tải về
Data Digest #15	Toàn cảnh kế hoạch kinh doanh 2023: Doanh nghiệp thận trọng với những khó khăn phía trước!	28 tháng 4 năm 2023	Tải về
Data Digest #16	Bức tranh lợi nhuận Q1-2023: Le lối những điểm sáng về tăng trưởng lợi nhuận	29 tháng 5 năm 2023	Tải về
Data Digest #17	Cơ hội Đầu tư sau Sóng kỳ vọng	30 tháng 8 năm 2023	Tải về
Data Digest #18	Chất lọc Cơ hội trong Chu kỳ hồi phục Lợi nhuận	11 tháng 11 năm 2023	Tải về
Data Digest #19	Tín hiệu “Mùa Xuân”	07 tháng 02 năm 2024	Tải về
Data Digest #20	Lửa thử vàng	29 tháng 05 năm 2024	Tải về
Data Digest #21	Chu kỳ Hiện thực hóa Kỳ vọng	9 tháng 8 năm 2024	Tải về

Thông tin liên hệ

Nhóm phân tích

Đỗ Thị Hồng Vân
Trưởng nhóm Phân tích
Khối Dịch vụ Thông tin Tài chính
Email: van.do@fiingroup.vn

Đặng Trần Thu Liên
Chuyên viên Phân tích
Khối Dịch vụ Thông tin Tài chính
Email: lien.dang@fiingroup.vn

Giám sát Chất lượng

Trương Minh Trang
Giám đốc Điều hành
Khối Dịch vụ Thông tin Tài chính
Email: trang.truong@fiingroup.vn

Dịch vụ Khách hàng FiinPro-X Platform

Nguyễn Thị Ánh Tuyết
Trưởng phòng, Dịch vụ Khách hàng
M: +84 903 931 801
T: +84 24 3562 6962 (ext.: 103)
Email: tuyet.nguyen@fiingroup.vn

Dịch vụ Khách hàng FiinTrade Platform

Phạm Hồng Liên
Dịch vụ khách hàng
M: +84 886 911 000
Email: lien.phamhong@fiingroup.vn

@ 2024 Thông báo Bản quyền của Công ty Cổ phần FiinGroup
Bản quyền đã được đăng ký. Tất cả các thông tin và số liệu trong Báo cáo này là tài sản thuộc bản quyền của FiinGroup, và do đó không thể toàn bộ hoặc một phần thông tin hoặc dữ liệu nào có thể được tái bản, trích xuất, phân phối lại hoặc bán lại; hoặc được sử dụng với bất kỳ hình thức nào dù là qua ảnh chụp, ghi chép hoặc ghi âm lại hoặc dưới bất kỳ hình thức lưu trữ thông tin nào, dưới bất kỳ hình thức nào mà không có sự chấp thuận bằng văn bản của FiinGroup.

Nền tảng phân tích chứng khoán chuyên sâu phục vụ các nhà đầu tư cá nhân & chuyên viên môi giới tại Việt Nam



Vì sao nên sử dụng FiinTrade?

- Thông tin chuyên sâu
- Tính năng vượt trội
- Tin tức trực tuyến được chọn lọc và cập nhật liên tục
- Thông tin chuyên sâu từ đội ngũ chuyên gia của FiinGroup
- Bộ lọc và xếp hạng cổ phiếu thiết kế riêng bởi FiinGroup
- Báo cáo phân tích chuyên sâu

Nhóm tính năng chính



Thị trường

- Danh mục
- Thị trường chuyên sâu
- Lịch sự kiện
- Bản đồ nhiệt
- Xu hướng dòng tiền



Giá

- Khớp lệnh theo thời gian
- Khớp lệnh theo bước giá
- Chi tiết theo bước giá
- Thống kê giá



Phân tích doanh nghiệp

- Báo cáo doanh nghiệp
- Cơ cấu sở hữu
- Phân tích tài chính
- Phân tích Consensus
- Báo cáo tài chính



Tin tức và nhận định

- Thông báo
- Tin tức trực tuyến
- Phân tích cổ phiếu
- Bản tin thị trường



Công cụ đầu tư

- Cảnh báo giao dịch
- Sàng lọc cổ phiếu
- Xếp hạng cổ phiếu
- Chiến lược đầu tư
- Dữ liệu API



Chiến lược đầu tư

- Cổ phiếu giá trị
- Cổ phiếu tăng trưởng
- Cổ phiếu lướt sóng
- Phương pháp CANSLIM
- Chiến lược kỹ thuật



Xếp hạng cổ phiếu

- Xếp hạng cổ phiếu
- Chấm điểm cổ phiếu



Phân tích kỹ thuật

- Biểu đồ PT kỹ thuật
- Tín hiệu kỹ thuật
- Xếp hạng cổ phiếu



Cơ sở dữ liệu tài chính toàn diện & chuyên sâu



Trải nghiệm ngay 14 ngày
DÙNG THỬ MIỄN PHÍ

Tính năng ưu việt



Dữ liệu
vĩ mô



Phân tích
thị trường



Thông tin
doanh nghiệp



Tin tức
tài chính



Tìm kiếm
dữ liệu

QUỸ ĐẦU TƯ

- ▶ +100 Quỹ đầu tư
- ▶ Hiệu quả Hoạt động và so sánh
- ▶ Dòng tiền rút, nộp của Quỹ
- ▶ Top cổ phiếu mua/bán trong Danh mục
- ▶ Phân bổ tỷ trọng theo ngành/loại tài sản



Biểu đồ Phân
tích kỹ thuật



Biểu đồ Phân
tích tài chính



Công cụ
sàng lọc

Những tính năng mới của FiinPro-X

Toàn diện Dữ liệu
KINH TẾ VĨ MÔ và
Thị trường TIỀN TỆ

Cổng dữ liệu TRÁI PHIẾU
DOANH NGHIỆP toàn
diện đầu tiên tại Việt Nam

BIỂU ĐỒ TÀI CHÍNH
cho phép cá nhân hóa
các loại biểu đồ số liệu

SƠ ĐỒ QUAN HỆ
Theo dõi hệ sinh thái các
Doanh nghiệp phát hành
Trái phiếu

PHÂN TÍCH NGÀNH
chuyên sâu gồm cả DN
niêm yết và Tư nhân

Thông tin Tài chính/ Khách hàng tiêu biểu

Hàng trăm định chế tài chính, đầu tư, ngân hàng và các đơn vị nghiên cứu đã và đang sử dụng các hệ thống của chúng tôi; trong đó có những công ty hoạt động trong nhiều lĩnh vực nổi trội, bao gồm chứng khoán, quỹ đầu tư, ngân hàng...

Công ty Chứng khoán



Tổ chức khác



Ngân hàng & Bảo hiểm



Quỹ & Công ty đầu tư



Giới thiệu về FiinGroup / Hồ sơ doanh nghiệp

FiinGroup là đơn vị hàng đầu chuyên cung cấp dữ liệu và phân tích tài chính với cam kết mang đến thông tin chuyên sâu, đa chiều cùng công nghệ tiên tiến nhằm thúc đẩy sự phát triển của thị trường vốn.

- **Được thành lập vào tháng 3/2008**, FiinGroup trở thành đơn vị hàng đầu chuyên cung cấp dữ liệu tài chính, thông tin kinh doanh, báo cáo ngành chuyên sâu, xếp hạng tín nhiệm và các dịch vụ phân tích dữ liệu khác tại Việt Nam.
- **Tháng 9/2014**, FiinGroup chính thức hợp tác chiến lược cùng **Tập đoàn NIKKEI & QUICK Corp.** với đầu tư vốn 35,1% cổ phần của Nhật Bản, cùng hỗ trợ các nhà đầu tư Nhật Bản vào Việt Nam
- FiinGroup hiện đang phục vụ hơn **1,000 tổ chức và doanh nghiệp trong và ngoài nước** thông qua các nền tảng công nghệ và hệ thống truy cập thuê bao, dịch vụ theo gói và theo yêu cầu.
- **Tháng 10/2019**, FiinGroup mở rộng mô hình kinh doanh **B2C** với sự ra mắt của Nền tảng phân tích chứng khoán FiinTrade, phục vụ hơn 10,000 nhà đầu tư và giao dịch viên trên sàn chứng khoán Việt Nam.
- **Gần đây nhất**, FiinGroup chính thức mở rộng sang lĩnh vực **Xếp hạng tín nhiệm (CRA)**, được Bộ Tài Chính cấp phép hoạt động ngày 20/03/2020. FiinGroup tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật từ **S&P Global Ratings** và **Ngân Hàng Phát Triển Châu Á** từ ngày 20/05/2021.



Ngày thành lập

11/03/2008



Người đại diện

Nguyễn Quang Thuân



Cổ đông

NIKKEI: 17.55%
QUICK: 17.55%
Quản lý và khác: 64.9%



Nhân viên

160+

Chuyên viên xử lý dữ liệu, phân tích chứng khoán, phân tích ngành/ thị trường và đánh giá rủi ro với chứng chỉ: CFA, ACCA, CPA; Kỹ sư CNTT và Nhân viên kinh doanh



Vốn điều lệ

VND 25 billion



Kiểm toán

pwc



Đối tác

NIKKEI
Quick **S&P Global**
Ratings



Giới thiệu về FiinGroup / Lĩnh vực kinh doanh

Chúng tôi đã có 15 năm kinh nghiệm cung cấp dữ liệu tài chính, thông tin kinh doanh, phân tích ngành, xếp hạng tín nhiệm và các dịch vụ phân tích dữ liệu khác thông qua các nền tảng công nghệ và hệ thống truy cập thuê bao, dịch vụ theo gói và theo yêu cầu.



Điều khoản Bản quyền và Miễn trách

- Tài liệu này được soạn lập bởi Công ty Cổ phần FiinGroup chỉ nhằm mục đích tham khảo. Tài liệu này không đưa ra khuyến nghị mua bán hay nắm giữ bất kỳ cổ phiếu nào hay cho giao dịch cụ thể nào.
- Thông tin trong báo cáo này, bao gồm dữ liệu, biểu đồ, bảng biểu, ý kiến phân tích và nhận định của FiinGroup được sử dụng với tính chất tham khảo tùy theo quyết định và khẩu vị rủi ro của quý vị. FiinGroup sẽ không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất hay hậu quả gì có thể được gây ra từ việc sử dụng các thông tin trong báo cáo này.
- Tài liệu này có thể được thay đổi mà không có sự thông báo trước. Nội dung và các nhận định trong báo cáo này có thể bị thay đổi hoặc lỗi thời tùy theo tình hình thực tế và những thông tin bổ sung mà chúng tôi có được. FiinGroup sẽ không có trách nhiệm phải cập nhật, sửa đổi và bổ sung nội dung theo những thay đổi đó.
- Toàn bộ các thông tin này được soạn lập và xử lý dựa trên các thông tin đại chúng và các nguồn khác mà FiinGroup có được, chúng tôi không có các thủ tục thực hiện xác minh độc lập về tính chính xác, đầy đủ hoặc tính phù hợp cho việc sử dụng và chúng tôi không cam kết về tính chính xác của những thông tin đó.
- Công ty Cổ phần FiinGroup có quyền sở hữu bản quyền về tài liệu này và toàn bộ nội dung trong báo cáo. Tài liệu này được bảo hộ theo quy định của pháp luật về bản quyền tại Việt Nam và các quốc gia khác theo hiệp ước giữa Việt Nam và các nước.
- Không có nội dung nào bao gồm dữ liệu, biểu đồ, bảng biểu, mô hình, và nhận định trong báo cáo này có thể được tái bản, sao chép, sửa đổi, thương mại hóa, công bố dù toàn bộ hay từng phần dưới bất kỳ hình thức nào nếu như không có sự chấp thuận của FiinGroup.
- FiinGroup là công ty chuyên về dịch vụ thông tin phân tích tài chính và định mức tín nhiệm theo Giấy phép số 02/GXN-XHTN của Bộ Tài chính Việt Nam ngày 30/3/2020. Theo đó, FiinGroup không tham gia và không được phép tham gia vào các hoạt động môi giới và tư vấn chứng khoán, dịch vụ ngân hàng và dịch vụ kiểm toán. Chúng tôi duy trì hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo tất cả các giám đốc, quản lý và nhân viên tuân thủ các quy định này cũng như tránh xung đột về mâu thuẫn lợi ích nhằm đảm bảo tính độc lập tuyệt đối trong bất kỳ hoạt động nào của chúng tôi.



FiinGroup

ENLIGHTEN THE MARKET

Trụ sở chính

Tầng 10, Tòa nhà Peakview Tower, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ
Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3562 6962
Email: info@fiingroup.vn
Website: <https://fiingroup.vn>

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 16, Tòa nhà Bitexco Financial Tower, số 2 Hải Triều, Phường
Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (84-28) 3933 3586

Dịch vụ Khách hàng FiinPro-X Platform

Nguyễn Thị Ánh Tuyết - Trưởng phòng, Dịch vụ Khách hàng
M: +84 903 931 801
T: +84 24 3562 6962 (ext.: 103)
Email: tuyet.nguyen@fiingroup.vn

Dịch vụ Khách hàng FiinTrade Platform

Phạm Hồng Liên- Dịch vụ khách hàng
M: +84 886 911 000
Email: lien.phamhong@fiingroup.vn